

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 3 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 9

Môn nghiệp thứ năm trong chín môn nói về nghiệp.

Không nói quả sĩ-dụng. Nghĩa là vì lìa ba quả, không có tướng thêm riêng, cho nên, trong cho quả dị-thục chỉ nói về quả Dị thục phải chịu trong Na-lạc-ca.

Luận Đối-Pháp quyển bảy và kinh Nhân Quả đều nói: “Đối với bần sinh, ngạ quỷ, na-lạc-ca thọ dị-thục.”

Luận kinh ấy y theo dị thục phải chịu quả nghiệp sát ba phẩm thượng, trung, hạ. Luận này chỉ y cứ vào phẩm thượng, chỉ nói về địa ngục:

Trong quả Đẳng Lưu, mười trường hợp như tuổi thọ bị rút ngắn, như thứ lớp, phối hợp mười nghiệp đạo ác.

Quả giống với nhân, gọi là quả Đẳng-lưu. Tuổi thọ rút ngắn, thật là quả tăng thượng, giả gọi là đẵng-lưu.

Đẵng-lưu tà kiến, tăng thêm si: Luận Đối-Pháp nói: “Các tà-kiến, là tăng thượng si, thành nghiệp đạo, chỉ có tăng thượng.”

Hỏi: “Nếu vậy thì vì sao nghiệp đạo, gọi là tà-kiến, còn được quả lại gọi là tăng thượng si?”

Đáp: “Tăng thượng si mới là tà-kiến, tà-kiến tức là tăng thượng si. Tà-kiến, tất nhiên có si, có si, chưa hẳn có tà-kiến.

Nghiệp đạo nêu chủ thể nương tựa, nói tà-kiến không nói là si. Được quả nói đối tượng nương tựa, là nói si, không nói tà-kiến, hai môn ảnh hưởng nhau mà nói, để cho chúng sinh biết nghiệp đạo chỉ có tà-kiến si, vì chung cho hành động, nên không gọi là Nghiệp đạo.

Trong quả tăng thượng, luận này dựa vào một vật để phân tích mười quả, luận Đối-Pháp dựa vào các việc để nói về mười quả, cho nên, vì các một quả không đồng, nghĩa đều khác nhau:

Ở đây có mười trường hợp, cũng y theo nghiệp đạo, thứ lớp phối

hợp riêng. Không tiện nghi, nghĩa là không thuận với lòng người.

Luận sư Cảnh bổ khuyết: “Dựa vào Bà-sa có hai thuyết:

1/ Nghiệp phướng tiện chiêu cảm nhân tuổi thọ ngắn ngủi trong loài người, nghiệp căn bản đọa vào đường ác.

2/ Lúc cầm dao định giết người, làm cho sắc mặt không có vẻ sáng suốt, tươi thắm, ngoài giảm biên đủ không sáng sủa, khiến người khác cam chịu biên khổ, đọa vào đường ác chịu khổ.

Cắt đứt mạng sống người khác, không nối tiếp nhau. Về sau tuổi thọ ngắn ngủi trong loài người.

Nay, dựa vào Du-già giải thích như lúc hành động giết người, làm cho người khác chịu khổ, gương mặt không tươi sáng, cắt đứt mạng người khác, lôi kéo chung vào đường ác. Nghiệp này, thế khác, về sau sinh ra nghiệp chướng diệt mạng trong loài người, khiến cho mạng căn rút ngắn, gọi là quả đặng-lưu.

Cho quả hiện pháp: Tức là ba quả trước do nghiệp thiện, bất thiện hiện tại lôi kéo sinh ra.

Trong tám dục, giải, bốn thiện, bốn bất thiện đối nhau để nói thì thành bốn cặp: Cặp đầu, là “duyên của cải của thân”,. Cặp kế, là duyên ruộng bi; cặp kế, duyên ruộng kính, và cặp sau là ruộng ân.

Trong nghiệp Vô gián, quyển thứ sáu mươi chếp: Lời nói lừa dối. Nghĩa là phá tăng bốn, thuộc thân nghiệp; trong đó ba là sát sinh.

Gia hạnh sát sinh. Nghĩa là làm cho thân Phật chảy máu, tùy theo sự thích hợp, thì lấy hai nghiệp thân, ngữ để làm tự tánh.

Giải thích riêng về nghĩa phá tăng, sơ lược có mười một điều:

Tăng phá. Thân của tăng bị phá không hòa hợp trong bất tương ưng làm tánh. Vô phú, vô ký dựa vào thức Dị-thục, vì không hòa hợp với pháp luân, v.v...

1/ Thể của chủ thể phá. Là như thuyết trên, là lời nói dối trá từ quả đặt tên.

2/ Là Tỳ-kheo, không phải ở tục.

3/ Kiến hạnh, chẳng phải ái hạnh.

4/ Tịnh hạnh, chẳng phải phạm giới, ý nói oai nghi không trang nghiêm.

5/ Phá chỗ khác, chứ chẳng phải trước Phật, vì các Như-lai không dễ gì khinh khi, bức xúc.

6/ Phá người ngu, không phải bậc Thánh.

7/ Nhãn dị sư thánh đạo. Nghĩa là năm pháp là Đạo, tám chánh chẳng phải Đạo.

8/ Tất nhiên không trải qua đêm.

Phá pháp luân tăng, có thể làm chướng ngại luân thánh đạo, vì phá hoại hòa hợp tăng.

9/ Phá pháp luân, vì châu này có Phật. Phá yết-ma có ở cả ba châu, vì có giáo.

10/ Phá pháp luân, ít nhất chín người. Đối tượng phá được chia làm hai bộ, vì chủ thể phá là một. Phá yết-ma ít nhất có tám người, vì được chia làm hai bộ, nên phần nhiều cũng không ngăn ngại.

11/ Mới thành Đạo về sau, sắp nhập Niết-bàn. Và lúc ghê giới chưa khởi, khi chưa lập cặp thứ nhất chỉ, quán; lúc sau khi Phật diệt độ; khi chưa kiết giới. Đối với sáu giai đoạn này không có phá pháp luân. Ngoài sáu giai đoạn này, thời gian khác, mới có thể phá tăng.

Bài tụng trong luận Câu-Xá chép:

Đầu, sau ghê cặp trước

Phật diệt, chửa kiết giới

Sáu giai đoạn như thế,

Không phá pháp luân tăng.

Sư Tát-bà-đa nói: “Phật có nghiệp đời trước, vì oán đối nên có, là sự thị hiện của Đại-thừa.

Hại cha, mẹ, vì phá hoại ruộng ân: Trong năm nghịch này, ba thứ ruộng còn lại đều là phá hoại ruộng đức, do đây thành nghịch. Vì chung cả ba thừa. Năm tội nghịch mà kinh tát-già Ni-kiền-tử nói, không đồng với luận này. chỉ Đại-thừa có, vì đối cơ khác nhau nên cũng không trái nhau.

Trong năm tội nghịch này, tội phá tăng là nặng nhất, vì làm hư hoại pháp thân công đức, vì che lấp đạo giải thoát của người, trời, nhập Thánh, được quả, lìa nhiễm, lậu hết, đều bị ngăn ngại. Cho đến bánh xe pháp trong Đại thiên không xoay; vì thân tâm của trời, người, rồng, v.v... đều rối loạn, nhất định chiêu cảm một kiếp đại tội Vô gián.

Kế là làm thân Phật chảy máu, sau đó giết A-la-hán; tiếp theo là ghết mẹ, ghết cha; những tội sau nhẹ dần. (Các nghĩa môn nói rộng như luận Câu-xá quyển mười tám nói)

Đồng phần nghiệp Vô-gián. Nghĩa là tội đồng loại của nghiệp Vô-gián. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Làm ô ố A-la-hán-ni và mẹ là loại hại mẹ. Đánh thân sau cùng của Bồ-tát là loại giết cha. Hoặc làm việc sát sanh ngay nơi miếu thờ trời, v.v..., hoặc bị hư hại nặng nề về việc gửi gắm, hoặc đối với ruộng nghèo khổ, thí vô úy rồi lại gây bức não; đó là loại giết A-la-hán.

Cướp giựt vật của tăng, là loại phá tăng; phá hoại linh miếu, v.v... là loại làm thân Phật chảy máu, hoặc gọi là loại chung, không cần phối hợp riêng.

Nay giải-thích: Làm ô “Nhiễm ni vô-học, là loại giết A-la-hán; làm ô nhiễm mẹ, là loại giết mẹ. Đánh Bồ-tát thân sau cùng và phá hoại linh miếu là làm thân Phật chảy máu. Cướp giựt vật của tăng là loại phá tăng. Hành động khác là loại giết cha, v.v...”

Nói cướp giựt vật của tăng, Luận sư Cảnh nói: “Vật của tăng thường trụ. Do có vật này, tăng môn tụ tập, bố-tát, nói giới. Do cướp đoạt vật này, nên tăng không được hòa hợp, chẳng hạn người khác muốn cho tăng vật dụng, tự tìm cách để vật đó thuộc về mình. Các Luận sư Bị, Thái và Cơ đều giải thích đại khái đồng, nhưng Pháp sư Khuy Cơ nói: “Vật của Tăng, là những vật dụng do đâu mà tăng có?”. Luận sư Thái nói: “Đã xếp vào vật của Tăng mà cướp đoạt, v.v... có khác đôi chút.”

Hỏi: “Theo luận Đối-Pháp quyển tám và văn dưới của luận này, đều nói về năm nghiệp Vô-gián là hoàn toàn là sinh thọ, sao trong đây nói là có hiện thọ?”

Luận sư Cảnh đáp: “Năm nghiệp vô gián, là y cứ xứ định để nói, còn trong các kinh, luận phần nhiều nói sinh thọ. Về mặt lý, thực chất có cả hiện sinh, hậu thọ. Như gây ra nhiều tội nghịch, tất nhiên, đối với thân hiện tại nếu chịu khổ nhẹ thì ở sau, thân sau, sẽ thọ khổ nặng hơn. Thế của nghiệp chưa hết, chết đi, sống lại trong địa ngục, nghĩa địa ngục là sẽ chịu quả báo sau.

Cho nên trong luận Đối-Pháp quyển tám nói: “Như kinh ấy nói rằng: “Do nghiệp Vô-gián thường thường chết, sống ở trong địa ngục, để chịu khổ lớn dị-thục.”

Về sau bổ khuyết: “Nghiệp nghịch kia cũng được hiện quả, vì khổ nhẹ, nên không được nói, từ đầu tiên đến phần vị, gọi là tác hiện thọ; từ nghiêm trọng là hàng đầu, chỉ nói sinh thọ.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải-thích: “Đây là y cứ ở hành vi tội nghịch, vì đang bị sát, v.v..., nên gọi là thọ hiện pháp. Luận kia dựa vào thứ lớp sinh, đọa vào Vô gián, v.v... gọi là thuận sinh thọ, cũng không trái nhau.”

Hỏi: “Nghiệp thuận hiện thọ không cảm quả chung, chẳng lẽ năm nghiệp Vô-gián lại thọ quả riêng hay sao?”

Đáp: “Do nghiệp gia-hạnh thọ quả riêng ở hiện tại. Do nghiệp căn bản thọ quả chung ở tương lai, chứ không phải do một nghiệp hiện và sau

đều thọ. Từ ban đầu được tên, gọi là hiện pháp thọ, tất nhiên, không phải năm Vô-gián không chiêu cảm quả chung, chính là do nghĩa này, nên luận Đối-Pháp nói: “Kẻ gây ra quá nhiều nghiệp Vô-gián, chắc chắn, khổ cụ mà họ chiêu cảm là rất nhiều, dữ dội, nhạy bén và thọ tức khắc mọi đau khổ.”

Kinh Ha-Oán Tâm nói: “Do nghiệp Vô-gián, nên chúng sinh bị giam trong Na-lạc-ca, thường chết đi sống lại, chịu khổ dị-thục lớn.”

Kinh Bát-nhã, Pháp Hoa cũng nói: “Vì chê bai kinh, nên từ một địa ngục sinh đến một địa ngục khác, từ địa ngục đầu tiên được đều gọi là thuận sinh-thọ.” ở đây cũng như thế.”

Hỏi: “Vì sao giết Độc-giác chẳng phải tội nghịch?”

Đáp: “Vì ít nên không nói, được xếp vào loại giết A-la-hán. Hoặc dựa vào kinh Địa-Tạng Bồ-tát nói: “Giết Bích-chi Phật không thành tội nghịch, vì vị ấy không có nói pháp, đem lại lợi ích cho chúng sinh.”

Hỏi: “Vì sao chê bai chánh pháp không gọi là tội nghịch? Giải thích: Hủy báng chánh pháp, tội rất nặng, còn hơn cả tội nghịch, cho nên không lập. Hoặc vì đối với con người nói là nghịch. Ở đây là nói theo chê bai pháp Đại thừa. Nếu theo kinh Tát già Ni-kiền-tử nói về năm tội nghịch, thì chê bai pháp ba thừa là tội nghịch thứ hai.”

Cúng dường từ định, v.v... được pháp quả ở hiện đời: Dựa vào lúc mới sinh, nghĩa là như mới xuất Từ định, vô tránh diệt định, được Dự-lưu và quả A-la-hán cũng thế, chứ không phải xuất định đã lâu, về sau không nói Độc-giác, là vì số ít, nên lược qua, thực chất thì cũng được.

Nhất lai, Bát-hoàn vì chẳng phải đầu tiên được quả Thánh, cho nên không nói.”

Hỏi: “Vì sao chỉ nói định từ, không nói định bi, hỷ, xả, v.v...?”

Đáp: “Vì hỷ, xả kém; vì Bi có cả tán, vì đối với thế gian, xuất thế gian, lạc, từ, v.v... vượt hơn. Vô tránh, v.v... cũng thế, bên trong chứng chân vô-tránh, bên ngoài thôi dứt các phiền não, vì nguyện trí, v.v... thù-thắng, nên không nói pháp khác.

Về sự khác nhau giữa Tăng Học, Vô học. Luận Đối-Pháp chép: “Đức Phật là vị tăng thượng thủ. Nghĩa là các tăng hiện hữu đối trước Đức Phật, hoặc Tăng là đệ tử Phật; Tăng phạm, Thánh Học, Vô học tôn xưng Đức Phật là vị tăng thượng thủ. Vì nói Tăng ở đây chẳng phải là người khác.

Với quả tăng thượng khác, nói là cũng phân biệt do thọ nghiệp quả hiện pháp, nghĩa là chẳng những do người khác mà còn do hiện nghiệp của chính mình được gặp Phật, cúng dường, v.v...

Nghiệp Trời. Nghĩa là người đời phần nhiều cho rằng, thiện, ác do trời, về mặt lý, thực chất do nghiệp, nên gọi nghiệp là trời.

Môn tổn ích có tám:

Bảy môn đầu tức là thân ba, miệng bốn, theo thứ lớp phối hợp. Thứ tám hợp là ba nghiệp-đạo của ý, cũng có thể phân biệt sáu thứ trước. Các nghiệp thứ bảy, thứ tám đều dẫn phát chung. trong nghiệp tăng thượng thứ sáu có sáu. Bốn nghiệp trước có cả thiện, ác. Nghiệp thứ năm bất thiện, nghiệp thứ sáu chỉ có thiện.

Một nghiệp đầu là tướng nhay bén; nghiệp thứ hai là tướng siêng năng; nghiệp trong tứ tánh thứ ba. Ngũ đầu, với bốn sự khảo xét so lường. Kế là thân có ba; ý sau có ba, từ nhẹ đến nặng, khảo xét chung ba nghiệp; so lường riêng mười nghiệp.

Trong nghiệp đạo trước sắc, sau tâm. Trong sắc, trước nặng, sau nhẹ. Trong nghiệp đạo ý, trước nhẹ, sau nặng. Vì tác pháp không đồng, nên cũng không có lỗi. Nhưng ba nghiệp phạt, thì ý nghiệp nặng nhất.

Tà-kiến trong năm kiến cận hợp, là rất nặng. Trong năm nghiệp Vô-gián, thì phá tăng rất nặng, vì đối tượng so sánh riêng.

Nay ở đây nói không so sánh với Vô gián, nên nghiệp ngữ nhẹ, về lý không có lỗi.

Trong điên đảo của nghiệp thứ bảy, sát sinh giống như tội đồng phân, nghiệp đạo gia-hạnh giống với căn bản.

Chấp thọ điên đảo chỉ nói cho đến lời nói thêu dệt, không nói ba nghiệp đạo của ý, nghĩa là vì bảy chi của thân, ngữ có cả tánh giới, vì cùng chung đối tượng biết (sở tri), vì dị chấp về sắc.

Trong sự sai khác của nghiệp thứ tám có hai:

1/ Nếu tên của bốn nghiệp vị.

2/ Tùy theo giải thích riêng, nêu vị có bốn:

a. Có năm thứ hai môn.

b. Có mười thứ ba môn.

c. Có một thứ bốn môn.

d. Có một thứ năm môn.

Tác nghiệp. Nghĩa là hoặc nghiệp lo nghĩ; hoặc lo nghĩ rồi; khởi nghiệp thân, ngữ: Xem xét quyết định, lo nghĩ, gọi là tư nghiệp. Phát động sự lo nghĩ vượt hơn, gọi là sự lo nghĩ đã khởi nghiệp thân, ngữ. Hoặc phát động tư, gọi là nghiệp tư, tư này đã khởi hai nghiệp thân ngữ, gọi là tư khởi nghiệp thân, ngữ.

Giải thích này đồng với luận Đối-Pháp, luận ấy nói: “Nghiệp Tư Thế nào? Nghĩa là nghiệp bất động phước, phi phước. Nghiệp Tư rồi là

sao? Nghĩa là nghiệp thân, ngữ, ý.

Ngài Tam-Tạng giải thích: “Trước là nghiệp tư phương tiện; sau là ba nghiệp căn bản.

Không tác nghiệp: Pháp sư Cảnh nói: bỗng nhiên, tâm khởi nghiệp ý tứ, chẳng phải vì được khởi tư tiền phương-tiện của thân, ngữ, mà vì là không có đối tượng khởi hai nghiệp thân, ngữ căn bản.”

Luận sư Bị đưa ra hai giải thích:

1/ “Tâm phân biệt nghiệp đã tạo, gọi là tác nghiệp thân tha hồ (mặc tình) mà tác nghiệp, gọi là không tác nghiệp.

2/ Tâm tỉnh ngộ mà tạo nghiệp, gọi là Tác nghiệp. Tâm mê loạn mà tác nghiệp, gọi là không tác nghiệp.”

Lại giải thích: “Tác nghiệp, có cả gia-hạnh; nghiệp đạo căn bản; nghiệp biểu, vô biểu, chưa diệt, chưa xả, gọi là tác nghiệp tức căn bản, gia hạnh, hạt giống của hai nghiệp. Nghiệp biểu, vô biểu đã diệt, đã xả, gọi là bất tác nghiệp, vì không thành tựu, vì không có tác dụng vượt hơn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Các nghiệp biểu gia-hạnh, căn bản, gọi là tác nghiệp, vì có khởi tác. Các nghiệp vô biểu, gọi là bất tác nghiệp, vì không có khởi tác. Đây là chung cho cả nghiệp biểu, vô biểu của ba thừa.”

Không nói ý trong nghiệp tăng trưởng, không tăng trưởng

Tám nghiệp vô ký của tự tánh. Pháp sư Khuy Cơ giải thích: “Nghĩa là thiện, bất thiện chẳng thuộc về nghiệp đạo. Tánh của phẩm trung, hạ chẳng phải là tánh vô ký trong ba tánh. Vì tự thể không tăng, gọi là vô ký, hoặc là nghiệp vô ký trong ba tánh.

Chín nghiệp bị hao hụt của sự ăn năn. Quyển tám mươi chín chép: “Các tác nghiệp không tăng trưởng, nếu không có ăn năn hối tiếc, không tu đối trị thì có thể sẽ thọ quả, gọi là nghiệp tăng trưởng. Ngược lại nếu ăn năn hối tiếc, v.v... gọi là nghiệp không tăng trưởng. Hoặc trước kia, nghiệp tăng trưởng do ăn năn hối cải, v.v..., nếu chưa sinh thù oán thì gọi là nghiệp bất tăng trưởng. Nếu không ăn năn hối cải, v.v... thì gọi là nghiệp tăng trưởng.”

Quyển sáu mươi chép: “Dựa vào người chưa giải thoát để kiến lập định, thọ nghiệp. Người giải thoát, khởi đạo phục, đoạn.”Luận Đối-Pháp chép: “Vì có năm thứ nên tư tạo nghiệp:

- 1, Được người khác dạy bảo.
- 2, Được người khác khuyến thỉnh.
- 3, Không biết rõ.

4, Chấp trước căn bản.

Nghĩa là ba độc che lấp tâm, chấp mắc mạnh mẽ, nhạy bén khởi các nghiệp.

Năm phân biệt điên đảo. Nghĩa là nghiệp ác sẽ làm vượt hơn không có tội. Trong năm căn bản này, chấp trước, phân biệt, hoặc tác, hoặc tăng trưởng, chẳng phải không thọ Dị-thục, vì nặng ba pháp còn lại tuy làm mà không tăng trưởng không hẳn là thọ dị thục vì nhẹ.

Luận Đối-Pháp giải thích: “Tác giả, nghĩa là khởi tạo các nghiệp, để cho nó hiện hành. Tăng-trưởng, nghĩa là sao cho tập khí được tăng ích. Cho nên tư nghiệp, nghĩa là cố lo nghĩ xong, hoặc tác nghiệp, hoặc tăng trưởng nghiệp, v.v..., nghĩa là trong đây, cố tác hoặc tăng trưởng, gọi là “nghiệp cố tư”.”

Luận Đối-Pháp chép: “Nghiệp cố tư trái với tăng-trưởng này, vì chung cả tăng-trưởng, không tăng trưởng. Đây là dựa vào tư mạnh mẽ thù-thắng, tương lai nhất định sẽ chiêu cảm Dị-thục, gọi là “nghiệp cố tư”. Dựa vào nghiệp đó, chỉ là đối tượng tác (sở tác) của “Cố tư”, chứ không phải nghiệp nhậm vận thông qua tương lai được quả, đều gọi là “Cố tư”, vì đối tượng so sánh riêng; nên cũng không trái nhau.

Thuận định thọ nghiệp, bất định nghiệp: Ngài Tam-Tạng Pháp sư giải thích: “Lúc thuận định thọ nghiệp, báo đầu cùng có định, bất định thì trái với ở đây.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Chính là nghiệp “Cố tư” ở trước nhất định sẽ chiêu cảm Dị-thục. Nghiệp “không cố tư” ở trước sẽ không chiêu cảm Dị-thục.

Luận Đối-Pháp chép: “Quyết định thọ nghiệp, quyết định có ba:

1/ Tác nghiệp định, do sức nghiệp đời trước, chiêu cảm thân quyết định. Trong đời này, tất nhiên tạo nghiệp này theo kỳ hạn quyết định, cuối cùng không trái vượt, dù thần lực của Phật, v.v... cũng không thể chế ngự.

2/ Thọ định Dị-thục, tức là quả của thuận định thọ nghiệp đã nói ở đây lúc nhất định sẽ thọ, vì chưa nhất định.

3/ Phần-vị định: Nghĩa là phần vị định nghiệp của thuận hiện thọ và sinh thọ, nghĩa trong đây rõ ràng: Nếu là nghiệp thuộc về nghiệp đạo thì gọi là thuận định thọ, sau gia-hạnh khởi, có cả định, bất định. Nếu chưa ăn năn, đã giải thoát, sẽ được gọi là định bất nghiệp. Nếu đã ăn năn, đã giải thoát thì gọi là nghiệp bất định.

Luận này nói là tác và tăng-trưởng: Tác nghĩa là tác động hiện nghiệp; tăng, nghĩa là vì tăng-trưởng cho hạt giống.

Nghiệp đã thực, chưa thực. Luận sư Cảnh nói: Trước kia là quả của sinh thực đã xong, công năng của nghiệp đã tiêu hết. Về sau, công năng này vẫn còn nối tiếp mãi.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghiệp quả của quá khứ và hiện tại chính thức sinh, được gọi là nghiệp đã thành thực. Nghiệp quả của vị lai và hiện tại, sẽ sinh, được gọi là nghiệp chưa thực.

Trong ba nghiệp tánh, hữu phú vô ký cũng gọi là nghiệp vô ký, vì không phải ba thiện căn, ba bất thiện căn là nhân duyên.

Nghiệp, v.v... thuộc về luật nghi. Nghĩa là nghiệp của luật nghi biệt giải thoát, y theo văn quyết-trạch. Dùng năm căn: như Tín, v.v... và sáu pháp như tứ làm tánh. Luật-nghi này vì lấy nhân phát nghiệp, tâm đẳng khởi, nên sáu pháp là thể. Nếu lấy giới thể, chính là lấy hạt giống của bảy chi nối tiếp nhau, bên nghĩa ngăn ngừa sai quấy để giả lập.

Luật nghi biệt giải-thoát hiện hành, hiện khởi một niệm của thân, ngữ, thì tiêu diệt thể của phi luật nghi.”

Luận Đối-Pháp chép: “Tức luật-nghi mà bảy chúng đã thọ: Năm chúng xuất gia và cận-sự, cận-trụ. Do người xuất gia suốt đời xa lìa hạnh ác, hạnh dục. Bởi vì người cận-sự trọn đời lìa hạnh ác, không rời hạnh dục. Do người cận-trụ không thể suốt đời lìa hạnh ác, hạnh dục, cho nên, ba thứ biệt giải-thoát được kiến lập. Hoặc quả của tĩnh lự, đẳng chí là nghiệp thuộc về luật-nghi đoạn. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tĩnh lự, nghĩa là bốn tĩnh lự cõi Sắc, Đẳng chí, nghĩa là bốn cõi Vô Sắc. Quả, nghĩa là dựa vào tĩnh lự Vô Sắc mà công đức được sinh ra do tu.

Đoạn, nghĩa là tức hiện tư tương ưng với Vô Sắc tĩnh lự, để phòng xa các phạm giới cõi Dục, chớ không phải đoạn giới. Quả thì đoạn giới, đoạn quả. Thể thì định sinh luật nghi. Ba thừa thì có cả thân, ngữ; còn Đại-thừa gồm ý nghiệp.”

Có giải thích: “Đoạn, tức là tánh giới của vô vi; quả là luật nghi do định sinh.”

Nay, ở đây giải thích: “Đã nói nghiệp là đoạn quả, không nói đoạn quả, vì đoạn không phải vô vi, như thuyết trước nói là hay. Hoặc là quả và đoạn, vì cả hai đều là thể của giới, nên nhận lấy cả hai. Chỉ vị-chí đầu tiên có đối trị đoạn, trở thành đoạn xa trong các địa trên. các địa này dựa vào định hữu lậu, sinh ra nghĩa giới.”

Quyết-trạch phân chép: “Chỉ cõi Sắc có. Văn này là văn của phần thứ ba thông qua Vô Sắc có.”Luận Đối-Pháp chỉ dựa vào cõi sắc để kiến lập. Luận ấy tự hội ý rằng: “Vì sắc thô của cõi Vô Sắc không có, nên lược không kiến lập.”

Pháp sư Thái nói: “Bốn thiên, bốn định là nhân, đã phát luật nghi gọi là quả. Đây là luật nghi của tinh lự Vô Sắc. Lại nữa, gọi là giới đoạn, thì quả định vì dứt được phương tiện “hoặc”, nên không phải chính dứt hoặc, vì là hữu lậu.

Nghiệp thuộc về luật nghi vô-lậu. Nghĩa là người kiến Đế do sức vô-lậu mà được tánh viển ly, tức là đạo cộng giới. Kết quả này đều y cứ ở giới nghiêm cấm điều sai quấy và ngăn ngừa, đây là chỉ thiện. Nếu vậy, thì lễ Phật, tụng kinh, v.v... được gọi là tác thiện.”

Pháp sư Thái nói: “Giới biểu biệt giải-thoát cũng suốt qua trên hạt giống, dẫu lập không đồng. Vô biểu chỉ dựa vào hạt giống mà nói, vì nối tiếp nhau, đạo kia nhất định vô biểu, vì tùy tâm có, không, nên dựa vào hiện hành giả lập. Nếu vậy, thì khi xuất định, có được thành tựu chăng?”

Pháp sư Bị nói: “Dù quá khứ, vị lai không có, mà về nghĩa thuyết thì thành, đều này đâu có lỗi? Nhưng vì không nối tiếp nhau, nên chỉ dựa vào hiện hành để giả lập.”

Pháp sư Thái nói: “Dựa chung hiện, chủng để lập, bất luật nghi cũng dựa vào nghiệp chủng của bảy chi bất thiện nối tiếp nhau, ngăn ngừa biên nghĩa thiện mà lập. Dựa vào văn quyết-trạch dưới đây, chỉ riêng trong bảy chi trước, sau mà được. Lại, mỗi chi đều chi trọng.

Gièm pha đâm thọc. Nghĩa là hành động gièm pha, nịnh hót, chê bai, đâm thọc người khác để mưu cầu mạng sống, là loại bất lương, bợn khùng bố, quát mắng.

Người coi ngục: Ở Tây-Vực lập ra người coi ngục (phán quyết bản án), nhằm mưu sinh để nuôi sống:

Luận này có mười hai, Đối Pháp nói có mười bốn. Luận này nói không có ba người kia là: 1/ Kẻ săn nai, 2/ Bắt cá, 3/ Hại bò. Luận Đối Pháp nói không có một người này, là người coi ngục. Trong kinh Niết-bàn nói có mười sáu: Bò, dê, heo, gà, vì được lợi, nên nuôi. Khi chúng béo mập rồi thì đem đổi bán. Vì quyền lợi nên mua chúng. Mua rồi cho đồ tể giết, thì thành tám hạng: bắt cá, bắt chim, thợ săn, cướp trộm, làm nem thịt, kẻ nói lưỡi đôi chiều, ngục tốt, chú rồng, lại vì chia làm tám. Nên không có người coi ngục và trói voi này.” Tạp Tâm nói có mười hai: đồ tể dê, nuôi heo, nuôi gà, lưới cá, bắt chim, thợ săn, làm kẻ trộm giặc, làm nem chả thịt, cai ngục, chú rồng, rình rập, săn bắn, đồ tể chó. Các văn khác nhau.

Tóm tắt nêu gần ấy nguyên nhân, không phải chỉ bấy nhiêu việc, không như thế thì những kẻ chuyên nghiệp giết mổ ngựa, lừa, v.v..., há

không phải là những hạng kia ư?

Trên đây, đều y cứ ở đối tượng giết hại kia, “duyên” cảnh để nói, bàn về thể chỉ là nghiệp của bảy chi nghiệp bất thiện.

Tự tánh của bố thí cho. Nghĩa là tư đã khởi chủ thể xả, đối tượng vật thí cho, thân nghiệp, ngữ nghiệp. Luận Đối Pháp, Duy-Thức đều lấy ba nghiệp tư và vô-tham làm tánh. Nay, ở đây lấy thuyết vô tham làm nhân duyên, lấy thuyết tư trong môn đẳng khởi. Lấy nghiệp thân, ngữ trong tự tánh, y cứ ở ngoại biểu, phô bày ba thừa để nói chung, cho nên chỉ thân, ngữ không nói về ý nghiệp. Trong tự tánh giới vì lấy ba nghiệp làm tánh, nên nói là nghiệp thân ngữ, v.v... Như Duy-Thức nói: “Vì thọ giới Bồ-tát, nên chung cả ba nghiệp; y xứ chung cho cả tình, phi tình, có nghĩa là tánh giới, già giới, là tùy thuộc vào đối tượng thích hợp của tình, phi tình kia, vì dựa chung cả hai. Tu tánh tự tánh, gọi là Tam-ma-địa. Nghĩa là thể từ của bốn vô lượng kia không có sân; thể của bi không hại; thể hỷ không ganh tỵ; thể của xả thì ba thiện căn thường hay xả.

Nay, vì từ đối tượng nương tựa, nên nhất định làm thể Y xứ: Là ba cõi hữu tình, đối tượng duyên, đều thành ba loại:

1. Không có khổ, không có vui, cho vui, gọi là từ.
2. Có khổ, cứu vớt, gọi là bi.
3. Có vui, giúp mừng, gọi là hỷ.

Đối với loại đầu, khởi tướng lia si; đối với loại thứ hai, khởi lên tướng lia sân; đối với loại thứ ba, khởi tướng lia tham. Bình đẳng sao cho lia ác, gọi là xả. Ở đây nêu cử cảnh từ, đồng lấy ba thứ còn lại.

Nói có ba. Nghĩa là tướng mạo, chỉ ra như kinh khác.

Phước nghiệp. Nghĩa là những người cảm Dị-thực của đường lành. Nghiệp phước đối với người, trời, thọ Dị thực chung. Và với thọ năm đường. Nghĩa là bốn cõi thọ Dị-thực riêng, thọ quả đẳng-lưu trong địa ngục kia giống với quả báo riêng. Nói chung là thuận với năm, có nghĩa không đúng.

Thành-Duy-Thức chép: “Chỗ khác nói: Trong “Địa ngục kia có vui đẳng-lưu.” Nên biết rằng, vì luận đó dựa vào lý “tùy chuyển”, cho nên nói như thế.

Trong Đại-thừa, Địa ngục kia không có quả thiện. Vì nghiệp thiện, nên chịu khổ nhỏ nhẹ, gọi là mắc quả, lại không có báo riêng. Không đồng với Tiểu-thừa nói về bốn trần Địa ngục, lại chiêu cảm nghiệp thiện.”

Lại giải thích: “Lìa phi thiên là một, vì hợp thành sáu cõi, nên nói là nghiệp thiện thuận với năm cõi có Địa-ngục thật sự là không có?”

Luận sư Bị nói: “Nghĩa có nghiệp thiện cũng được, chiêu cảm quả riêng của Địa-ngục. Như tiểu địa-ngục được gió mát, v.v...”

Thuận với thọ nghiệp không khổ, không vui, quả báo riêng chỉ có nghiệp của đệ tử tinh lự trở lên, ở đây có hai nghĩa:

1/ Ba định trở xuống, có thọ quả báo riêng. Luận này và Đối-Pháp không nói có nghiệp, vì lẽ y cứ ở phần nhiều nghiệp lành cảm quả xả thọ. Cho nên lược qua không nói. Không như thế, thì vì sao nghiệp thiện của địa dưới không được quả của địa đó?

2/ Ba định trở xuống, không có nghiệp xả thiện riêng. Quả xả trong thức thứ sáu vắng lặng. Nghiệp của địa dưới thì thô, nên thiện chỉ chiêu cảm niềm vui, cho nên không có quả xả.”

Hỏi: “Nghiệp thiện của đạo dưới thô, không chiêu cảm quả xả, sao nghiệp của địa dưới của quả xả thứ tám lại không chiêu cảm?”

Đáp: “Vì chung, riêng khác nhau, vì thế, không nên so sánh.”

Luận sư Cảnh nói: “Nay, trong Địa-thừa dù không có văn nói, lấy lý mà nói, trong cõi thiện trở lên, khéo chiêu cảm xả thọ lấy lại-da nào làm báo chung, gồm chiêu cảm báo xả của sáu thức, thiện của địa dưới cảm, hỷ, lạc, vì quả báo riêng.

Trong đường ác, ác phẩm thượng chiêu cảm xả thọ của bản thức, vì là quả báo chung, cũng gồm chiêu cảm xả-thọ của sáu thức. Ác phẩm hạ, chiêu cảm khổ thọ, vì là quả báo riêng, nên trong thuận hiện pháp thọ nghiệp, v.v...” Luận này và Đối-Pháp đều nói có ba:

Từ ban đầu đặt tên, hiện chỉ báo riêng, ngoài ra, có cả chung, riêng:

Quyển mười sáu nói có bốn nghiệp:

1. Định Dị-thục.
2. Định Thời phần.
3. Cả hai đều nhất định.
4. Cả hai đều bất định.

- Luận Hiển-Dương quyển mười chín chép: “Có năm nghiệp:

1. Hiện pháp -thọ quyết định.
2. Sinh-thọ quyết định.
3. Hậu thọ quyết định.
4. Thọ báo quyết định.
5. Tác nghiệp quyết định.

Luận sư Cảnh nói: “Y theo văn dưới mà phán quyết thì tám nghiệp là nghĩa Đại-thừa.”

Luận sư nhật xuất thuộc Kinh bộ lấy nghĩa Đại-thừa để phân biệt

tám nghiệp trong bộ kia.

Nay, y theo văn này, dù nói là nghiệp ba thời, cũng gồm sáu tám nghiệp. Vì sao? Vì thời gian nhất định, Di-thục không nhất định; thời-gian, quả đều nhất định, là nói nghiệp ba thời không đợi nói cũng thành.

Lúc báo nhất định, thời gian không nhất định, thời vào báo đều không nhất định nghiệp của hai thứ. Nếu khi được quả không lìa ba thời, thì tùy thuộc ở thời gian nào được Di-thục, là thuộc về thời gian đó. Chính vì thế, nên nói ở nghĩa ba thời gồm sáu tám nghiệp. Cũng có thể trong đây chỉ nói thời báo của ba thời đều là nghiệp của định, cũng có thể trong đây chỉ lấy hai quan điểm: Thời gian nhất định, báo không nhất định, thời báo đều nhất định, nghiệp là nghiệp ba thời, thì không được thuộc về báo định thời bất định, thời báo đều bất định.

Nghiệp học. Nói là nếu phạm phu, v.v... Nghĩa là các phạm phu phát tâm ba thừa, giải-thoát phần thiện về sau, đều gọi là học nghiệp học chung cho cả hữu lậu, vô-lậu. Vô học cũng thế.”

Nghiệp phi-học, phi-vô-học, nghĩa là trừ hai học trước, đã có nghiệp thiện, bất thiện, vô ký trong nối tiếp nhau khác.”

Hỏi: “Trong thân Hữu học, Vô học ở trước, đều được giải-thoát phần, quyết-trạch phần và vô lậu nghiệp, gọi là Học, Vô Học.

Trong thân học kia, có thiện phần lậu, nghiệp bất thiện, vô ký. Trong thân vô-học, có nghiệp thiện phần phước và nghiệp vô ký, há chẳng phải đều là nghiệp của phi-đạo, phi vô học hay sao? Nếu vậy thì vì sao lại đối với nghiệp câu phi, nói là trừ hai học trước, đã có nghiệp thiện, bất thiện, vô ký trong nối tiếp nhau khác ư?”

Pháp sư Bạt có ba giải thích:

1/ Trong hai thân trước, dù có phần phước, thiện, v.v..., nhưng do từ nhiều phần đều gọi là nghiệp Học, Vô học, cho nên, trừ hai học trước. Nghĩa là các giai đoạn phạm phu trước kia chưa phát tâm, tất cả nghiệp gọi là “Câu phi”.

2/ Trừ hai ở trước: nghĩa là trừ nghiệp Học, Vô-học trong hai thân của Học, Vô-học ở trước.

Trong nối tiếp nhau khác. Nghĩa là nói “khác” này, tức thông qua, có nghĩa là trừ trong thân Học, Vô-học và trong thân phạm phu khác, sở hữu phần phước, nghiệp thiện, nghiệp vô ký, v.v... đều là “Câu phi”.

3/ Rằng, nghĩa là trừ hai học ở trước, trong nối tiếp nhau khác: Trừ đã có nghiệp Học, Vô-học trong hai nối tiếp nhau của học, vô học ở trước.

Tất cả nghiệp thiện, bất thiện, vô ký. Nghĩa là trong thân người học, trong thân phàm phu, đã có phần phước, nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, và nghiệp vô ký. Trong thân vô học, có được phần phước, thiện, và nghiệp vô ký đều là nghiệp “Câu phi”. Cho nên nói tất cả nghiệp thiện, bất thiện, vô ký.

Trong quyển sáu mươi sáu chỉ nói bậc Thánh cho là hữu học, vì từ sự vượt hơn mà được.

Ở đây, y cứ đối tượng nương tựa kết hợp mà được nói là người học, sinh đắc thiện, v.v... cũng gọi là Học. Nếu không như vậy, thì tức là chẳng phải không thuận với học kia.

Nghiệp do kiến dứt trừ: Nghĩa là thọ nghiệp bất thiện, v.v... của đường ác, đồng lấy nghiệp thân người nữ; nghiệp “hữu” thứ tám; nghiệp trời Vô Tướng; nghiệp Uất-đơn-việt và nghiệp thiện, báo riêng của quý, súc, vì được kiến-đạo rất ráo không thọ.

Nghiệp, v.v... Do tu mà dứt trừ. Nghĩa là có nghiệp bất thiện cũng lãnh chịu khổ thọ, báo riêng của người, trời. cho nên, với nghiệp thiện và nghiệp vô ký, đồng do tu đạo dứt trừ.”

Hỏi: “Thiện và vô ký chẳng phải là thể che lấp, sao lại do tu dứt trừ?”

Giải thích: “Cũng bị duyên phiền não ràng buộc, vì chưa lia trói buộc dứt đoạn thiện hữu lậu và thể của uẩn vô ký, gọi là Đoạn. Cho nên quyết-trạch nói rằng: “Dứt kiến-hoặc, được đoạn giới; dứt tu hoặc, được không có cõi Dục. Hai thứ này là Niết-bàn hữu dư. Đoạn thiện hữu lậu và uẩn vô ký được diệt giới, đây là Niết-bàn vô-dư.

Lại do kiến đoạn phiền não, phát ra nghiệp ác, hoàn toàn chiêu cảm hai báo chung, riêng của đường ác. Nếu y cứ nhân mất, quả tan, thì đoạn, cũng gọi là kiến đạo đoạn. Vì thế, văn chỗ khác nói: “Tất cả cõi uẩn, giới, xứ đều là kiến đoạn. Nếu y cứ ở bên nghĩa cắt đứt duyên buộc ràng thì đây là hai báo chung, riêng của đường ác, đều là tu đoạn”(do tu dứt trừ), cho nên, chỗ khác, nói: “Tất cả thể của uẩn vô phú, vô ký đều là tu dứt trừ. Nếu kiến đoạn chỉ làm nhân xa, v.v... phát khởi nghiệp lành, chiêu cảm hai báo chung riêng trời, người thì nghiệp và báo này đều là tu đoạn.

Do từ tu dứt trừ, nên tâm thiện phát nghiệp, cảm báo, chẳng phải do kiến dứt trừ hoặc, vì phát khởi gần.

Tu dứt trừ phiền não, nếu tăng phẩm trên, thân phát nghiệp ác, cảm đến nghiệp chung, riêng trong đường ác, thì nói chủ thể phá là tu đạo đoạn. Và, nghiệp thiện, ác cảm xả thọ của Lại-da kia.

Tam Tạng Pháp sư nói: “Cũng kiêm cảm báo xả thọ trong sáu thức là xả Dị-thục sinh.”

Hỏi: “Bảy phương tiện thiện của kiến đạo trở xuống cũng chiêu cảm báo riêng của người, trời, vì sao không nói là tu đoạn?”

Đáp: “Đã nói, nghĩa là thọ cõi thiện, trong nghiệp thiện nói: “Trong bốn nghiệp hắc hắc, chẳng phải nghiệp phước gọi là hắc hắc nghĩa là nghiệp chung của ba đường ác và ác riêng của năm đường. Nghiệp bất động kia gọi là bạch bạch. Nghĩa là nghiệp thiện chung, riêng của cõi Sắc, Vô Sắc. các nghiệp phước kia gọi là nghiệp hắc bạch hắc bạch. Nghĩa là nghiệp chung của người trời cõi Dục và thuận với nghiệp thiện riêng của năm cõi. Thiện là đối tượng oán ghét của bất thiện. Vì đối lập nên gọi là nghiệp hắc bạch hắc bạch. Vì chưa dứt nghiệp hắc, nên nghiệp phước kia mới được tên gọi này.”

Ở đây Luận sư Cảnh giải thích: “Ở đây nói nghiệp phước lúc chưa lìa dục, gọi là nghiệp hắc bạch, đây là nghiệp bất tận thuộc bốn nghiệp như hắc, v.v... của luận Du-già. Do không thuộc người lìa dục kia khởi nghiệp thiện cõi Dục.” Nhưng Tam-Tạng Pháp sư nói: “Thiện lúc lìa dục là loại thiện chưa lìa dục, được nói là nhiếp hết.”

Ba thứ này, luận Đối-Pháp nói: “Hoặc nhân, hoặc quả đều gọi là chung là nhân hắc hắc vì nhiễm ô, nên quả không đáng ưa thích. Nhân bạch không nhiễm ô nên quả đáng ưa thích.

Nhân hắc bạch hắc bạch, vì thiện, ác lẫn lộn, nên quả ác bị lẫn lộn. Quả của nghiệp phước cõi Dục, nhất định là phi phước, vì lẫn lộn nên gọi là bạch hắc bạch hắc.

Tự có quả phi phước, vì không bị phước lẫn lộn, nên không gọi là nghiệp hắc bạch, hắc bạch.”

Lại, luận kia nói về nghiệp hắc hắc, nghĩa là nghiệp bất thiện: Ý lấy người dứt thiện đã khởi nghiệp thuần bất thiện, và người không đoạn thiện đã khởi nghiệp thuần bất thiện của phương tiện căn bản, dùng làm hắc hắc. Nếu nghiệp bất thiện lẫn lộn với nghiệp thiện kia, thì hoặc là căn bản, hoặc là phương tiện. Như nghiệp bất thiện này hợp với thiện kia, lập ra nghiệp hắc bạch, hắc bạch.”

Hỏi vì sao Du-già nói tất cả nghiệp phi phước đều gọi là hắc hắc.” Luận Đối-Pháp thì loại trừ bất thiện lẫn lộn với thiện. Bất thiện khác khởi riêng mới gọi là hắc hắc?”

Giải thích Du-già lấy nghiệp bất thiện mạnh mẽ của cõi Dục, dù có khởi xen kẽ với nhau, nhưng không bị lẫn lộn với thiện. Cho nên tất cả bất thiện đều gọi là hắc hắc. Đối-Pháp thì y cứ khởi rỗng rã nghiệp

bất thiện, vì không được thiện xen vào, nên gọi là hắc hắc nếu xen nhau khởi thì thuộc về nghiệp hắc bạch thứ ba.

Lại, Luận Đối Pháp và quyển sáu mươi sáu nói: “Nghiệp bạch bạch, là nghiệp thiện của ba cõi. Nghiệp hắc bạch hắc bạch, là nghiệp lẫn lộn cõi Dục, chẳng phải là nghiệp của một sát na chung cả thiện, ác. Nhưng dựa vào ý lạc và do hợp với phương tiện, nói là một nghiệp, gọi là nghiệp lẫn lộn, nghĩa là vì có niềm vui của ý nghiệp, và vì phương tiện hắc, nên bạch thì giả vờ tướng của tâm lừa dối tu các điều lành. Hoặc có ý nghiệp vì ưa thích, vì phương tiện bạch, nên hắc thì dạy bảo đệ tử phát điều ác của thân, ngữ. Nghiệp hắc bạch này cả tánh thiện, ác.”

Luận này dựa vào ba nghiệp phước, phi phước, bất động để nói về nghiệp hắc hắc, v.v... Luận Đối Pháp kia thì dựa vào thiện, ác thuần-túy lẫn lộn để nói về nghiệp hắc hắc, v.v..., cho nên không trái nhau.”

Chẳng phải hắc, chẳng phải bạch, chẳng phải nghiệp Di-thực diệt hết các nghiệp, Không chiêu cảm quả vô phú vô ký nên gọi là không có quả dị thực, có công năng dứt ba nghiệp trước nên gọi là có công năng dứt hết các nghiệp nên lấy tất cả đạo phương tiện và vô gián vô lậu làm nghiệp thứ tư. Luận Đối pháp cũng nói: nghiệp phi hắc phi bạch có công năng dứt hết các nghiệp nghĩa là các nghiệp vô lậu trong phương tiện Vô gián đạo là vì các nghiệp đó đã đoạn đối trị, không đồng với luận Tiểu-thừa chỉ nói mười bảy tư vô lậu là nghiệp thứ tư.

Hỏi: “Hai luận đồng lấy các nghiệp vô lậu trong phương tiện, Vô gián đạo, là lấy ý tuệ hay cũng lấy thân, ngữ làm nghiệp thứ tư?”

Luận sư Cảnh giải thích: “Dù chưa thấy văn, nhưng xét về ý thì nên lấy ý tứ đồng thời của Thánh đạo làm nghiệp thứ tư, vì rằng lúc Thánh đạo khởi, thì không có hai nghiệp thân, ngữ riêng làm thể, chỉ y cứ ở ý tứ để giả lập bảy chi thân, ngữ làm đạo chung. Hoặc vì tìm kiếm đến thật, nên lấy ý tứ làm nghiệp thứ tư, bởi ý tứ kia tương ứng với tuệ vô-lậu, khởi chung làm đối trị đoạn.

Trong đây đạo Vô-gián thân dứt hạt giống hoặc do công năng gây hao hụt “hoặc” của đạo gia-hạnh.”

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Nếu dựa theo văn của quyển này thì một đạo Vô-gián và lia dục dần trong Kiến đạo của nhị thừa, còn tám Vô gián tư trước chỉ diệt hết nghiệp hắc hắc. Đạo Vô-gián thứ chín diệt tận cả hai thuần hắc và với nghiệp xen lẫn, lia bốn tĩnh lực và bốn Vô-sắc. Đạo Vô-gián thứ chín chỉ hết nghiệp bạch bạch. Đây là dựa vào sự lần lượt đắc quả mà nói. Nếu dựa theo định vị-trí ban đầu và sơ

định, vượt qua nhập kiến đạo thì sẽ được một đạo Vô-gián tư của quả thứ ba, lìa thuần hắc và xen tạp. Nếu trước đã lìa nhiễm của địa trên, nương tựa bốn tĩnh lự, thì sẽ được một Vô-gián tư của quả thứ ba, lìa nghiệp thuần hắc và xen tạp, tùy từng đối tượng thích ứng. Và nghiệp bạch bạch.

Nếu từ sơ quả lấy quả thứ tư, thì tám Vô-gián tư trước chỉ lìa nghiệp hắc hắc. Vô-gián tư thứ chín đều lìa cả ba nghiệp. Một Vô-gián tư của các Bồ-tát kiến đạo thì chỉ lìa nghiệp hắc hắc. Một Vô-gián tư của định Kim-cương Dự, cả hai đoạn ba nghiệp. Tất cả nghiệp đạo ác sinh, thì đoạn tất cả nghiệp thiện.

Vì lìa duyên ràng buộc, nên phải xa lìa hết nhiễm của địa mình. Bảy giờ, vì hết nhiễm, nên tư của đạo Vô-gián thứ chín mới nói là hết nghiệp bạch.

Từ trên đến đây, đã nói về thuyết đoạn nghiệp tư của hạt giống hữu lậu. Nếu khuất phục hiện-hạnh, thì chỉ trừ kiến-đạo không có gia-hành vô lậu. Ngoài ra, tu-đạo và gia-hạnh đạo có khả năng chế phục hiện-hành. Trong đây, chỉ nói các nghiệp vô lậu là ba nghiệp trước, vì dứt đối-trị. Đạo giải thoát của Nhị thừa dù cũng có đoạn và các đối trị đoạn của sở tri chướng của Bồ-tát Thập địa, vì đều là phi nghiệp cho nên không nói. Vì thế, nên luận Đối-Pháp nói: “Các nghiệp vô lậu trong gia hạnh, Vô-gián đạo vì đều dựa vào điểm vượt hơn để kiến lập, nên không lấy đạo khác. Đạo thắng-tấn, v.v... đều dựa vào công hạnh riêng, cũng chẳng phải hoàn toàn khuất phục các phẩm nghiệp, cho nên không nói. Nếu theo Đối-Pháp nói là ba nghiệp trước, thì theo thứ lớp Nhị-thừa được quả, một Vô-gián tư của kiến-đạo và lần lược lìa dục. Tám Vô-gián tư trước lìa nghiệp thuần hắc, lẫn lộn, vì lẫn lộn chung cho cả hai tánh. Vô-gián tư thứ chín lìa thuần hắc và tạp nghiệp dứt hết, cùng với bạch nghiệp. Lìa bốn Sắc, bốn vô-sắc, Vô-gián tư thứ chín chỉ là nghiệp bạch bạch. Đây là dựa theo sự lần lược đắc quả mà nói. Nếu dựa vào bốn tĩnh lự siêu việt nhập kiến đạo được quả thứ ba, thì một Vô-gián tư cũng lìa cả ba nghiệp. Nếu từ Sơ quả, vượt qua lấy quả thứ tư, thì tám Vô-gián tư trước và Bồ-tát kiến-đạo chỉ lìa thuần hắc và nghiệp lẫn lộn. Vô-gián tư thứ chín và Định Kim-cương dự của Bồ-tát, cả ba nghiệp đều cùng lìa.

Đây là nói dứt hạt giống. Nếu chế phục hiện hành, thì chỉ trừ kiến-đạo, tất cả các địa vị khác đều thêm đạo gia-hạnh. Về nghĩa khác đồng với trước. Nói riêng về nghĩa đoạn, lìa ràng buộc cũng không nhất định. Nên như lý tư duy.

Nghiệp khức, uest, trước. Có hai lần nêu ra thế:

1. Nghiệp thiện, bất thiện của ngoại đạo, gọi là khức (tà vạy). Nghiệp tà vạy này và pháp phàm phu này thấy ngược ngạo đối với Thánh-giáo, nghĩa là kẻ bám trụ kiến-thủ.

Tà quyết định, nghĩa là giác do dự. Nghiệp thiện, bất thiện, gọi là uest, tức là hai nghiệp trên và pháp phàm phu này không quyết định đối với Thánh-giáo, nghĩa là nghiệp thiện, bất thiện, gọi là trước (vấn đực).

2. Chỉ trong pháp ngoại đạo mới có ba nghiệp này, như văn.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hợp với trong đây có ba cách giải thích:

1) Có nghĩa rằng: “Nghiệp thiện, bất thiện của ngoại đạo gọi là khức chướng (chướng cong vạy). Vì pháp Phật ngay thẳng, nên chín chướng cong vạy này, gọi là uest (nhơ nhớt). Vì ô (làm hoen ố) chánh pháp, vì thân tâm ô uest, nên khức uest này gọi là trước (vấn đực). Vì là căn bản của pháp ác, vì rối loạn thân tâm, nên đều có cả thiện, bất thiện.”

Luận này nói: “Rằng chính nghiệp cong vạy này cũng gọi là nghiệp nhơ bản, tức nghiệp cong vạy, nhơ bản cũng gọi là nghiệp vấn đực.

2) Có nghĩa rằng, nghiệp cong vạy như trước. Nghiệp nhơ bản, nghĩa là phàm phu của pháp nội đạo đối với vô-minh, tham, sân, mạng, thân, biên kiến trong Phật giáo, gọi là chung là điên đảo kiến. Nghĩa là kiến giới thủ, gọi là chấp lấy kiến thủ của mình.

Tà kiến gọi là tà quyết định. Nghĩa là nghi gọi là giác do dự: Tùy đối tượng thích hợp với nghi kia, hoặc tương ưng; hoặc do nhân gần; hoặc do nhân xa, khởi lên ba nghiệp thiện, bất thiện gọi là uest nghiệp. Vì nhiễm ô chánh pháp, vì nhiễm uest, ác, nên phàm phu nội đạo, đều không quyết định đối với môn tà, chánh, đều do nghi là trước hết, gọi là người do dự đã có nghiệp thiện, bất thiện, gọi là nghiệp vấn đực, vì nhân nghi mà khởi lấm cặn bã nhơ nhớt, nên là nghiệp ác thừa thải.

Nghi trong nhơ bản ở trước, là do tà định khởi. Nghi này vì nương tựa không nhất định, nên trở thành khác nhau, không phải vì che lấp chánh đạo Phật pháp mà là vì từ lâu được nhập, cho nên không nói. Phàm phu của nội đạo cũng có nghiệp cong vạy.

3) Nghĩa là ba nghiệp này đều do ngoại đạo khởi lên tà giải, phát ra hành động, gọi là cong vạy, tức nghiệp tà vạy này vì che lấp công đức hữu vi, nên gọi là nhơ nhớt. (uest); chướng ngại chứng công đức vô-vi, nên gọi là trước (vấn đực), đều chung cho cả ba nghiệp thiện, bất thiện.

Luận Đối-Pháp Quyển tám có hai lần “lại nữa” để giải thích về

ba nghiệp trước:

1. Ba nghiệp che lấp tám đạo, gọi là cong vạy, có công năng làm nhiệm ô nói tiếp nhau, phát sinh chướng ngại, gọi là uế. Nếu kiến điền đảo của ngoại đạo nảy sinh, thì gọi là trước, chỉ nghiệp trước này gọi là do ngoại đạo khởi, không nói hai thứ trước do người nào khởi?. Cho nên, biết về mặt lý, chung cho cả trong, ngoài sanh khởi. Đã không có nói riêng về tánh, mà vẫn biết rõ là chung cho cả thiện lẫn ác. Nhưng vì đồng với “lại nữa” này, nên không có lỗi.”

Luận Đối-Pháp lại giải thích: “Biên, tà kiến, Tát-ca-da-kiến (thân-kiến), đã phát các nghiệp như thứ lớp kia, gọi là khúc, uế, trước. Cứ theo đây, cũng chỉ là nghiệp mà ngoại đạo đã khởi.

Ba nghiệp như thế, tùy theo phiền não, về nghĩa khởi của nội, ngoại đạo, chẳng phải nói riêng, mà đều có thể nhất định. Do đó cho dù nghĩa có khác nhau, nhưng cũng không trái nhau. Không đồng với Tiểu-thừa nói về nghiệp khúc, uế, trước dựa vào siểm (dua nịnh), sân tham, mà nảy sinh.

Trong nghiệp thanh tịnh chỉ lấy chánh định làm nghiệp thiện của phàm phu. Luận Tiểu-thừa lấy chung các nghiệp thân, ngữ, ý hữu lậu và vô-lậu của phàm Thánh, gọi là ba tịnh nghiệp. Tiếng Phạm là Mâu-Ni, nghĩa tịch mặc, Hán dịch gọi là tịch tịnh, vì chứng lý tịch tịnh.

Nếu dựa vào dưới đây, trong địa văn tuệ, có hai nghiệp thân, ngữ trong thân của tất cả bậc Thánh và tâm là thể của ba tịnh nghiệp.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tâm, là ý nghiệp, không đồng với luận này. Kia nói nghiệp Mâu-ni của thân bậc thánh chỉ lấy nghiệp hữu-lậu, vô-lậu, gọi là ba tịnh nghiệp, không đối với phàm phu để phân tích sự khác nhau.

Nay, ở đây đối với phàm, thánh, nội, ngoại đạo khác nhau, cho nên nghiệp thanh tịnh chỉ có ở phàm phu. Ba nghiệp có trong thân bậc Thánh, đều gọi là nghiệp Mâu-ni. Vì quán đối khác nhau, nên cũng không trái nhau. Luận sư Bị nói hai giải thích của Tam Tạng Pháp sư:

2. Là tâm vương. Quyết Trạch nói: “Nghiệp vắng lặng là ý thân ngữ, ý tức là tâm vương. Chỉ lấy các nghiệp, vô-lậu, vì lìa não loạn, mà nói là ý, vì tướng xuất phát từ vì ngữ. Với năm môn này gom thành ba loại:

Ba nghiệp mà ngoại đạo khởi, gọi là cong vạy. Phàm phu pháp nội còn có ba nhóm:

- Tà định khởi nghiệp như bản.
- Bất tịnh, khởi nghiệp vẫn đục.

- Chánh định khởi tịnh nghiệp.

Tất cả bậc Thánh đã có nghiệp thù thắng hữu-lậu, vô-lậu, gọi là nghiệp Mâu-ni.

Trong tai họa lỗi lầm của nghiệp thứ chín, sinh ra tội hiện-pháp, nghĩa là như hay vì hại mình, khởi gia-hạnh sát, nghiệp sát chưa trở thành hiện thực, bị người khác hại. Đương lai chưa hẳn thọ, vì chưa trở thành hiện bị người khác hại. Vị lai chưa hẳn thọ, chưa thành nghiệp năng.

Lại chẳng hạn như ở phàm phu, hành sát, v.v... trước kia, bị người khác hiện đang hại. Về sau được nhập Thánh, sẽ không thọ tội sau. Hoặc sẽ được thay đổi quả sau, ở hiện thân đang thọ, về sau lại không thọ. Như Ương Quật ma-la, v.v..., cũng gọi là tội hiện pháp, chỉ đồng như trước, hay vì hại mình, nên nói rằng: “Nghĩa là như.”

Thọ đối tượng sinh thân kia, thân trong lo khổ, sáu thứ lỗi lầm: Tức là hại mình, v.v... trước kia, dù là phương tiện, nhưng không thể thành “sinh thân”, tâm cảm thấy lo buồn, khổ sở.

Lại có mười lỗi lầm do phạm thi-la (giới) như kinh có nói rộng: “Như vì giữ giới, không có ăn năn. Vì không ăn năn, nên tâm an, tâm an, nên khinh an; vì khinh an nên vui; vì vui, nên định; vì định, nên được trí; vì trí nên thấy mười thứ công đức như thật, v.v... Trái lại, gọi là mười thứ lỗi lầm. Cũng có thể phạm mười giới Sa-di kia mà sinh lo khổ là mười tai họa lỗi lầm, vì từ lần đầu đã phạm, nên chỉ nói mười, vì không được thọ giới cụ túc.

Bốn thứ nghiệp đạo bất thiện: Tức bốn chi giới: Thân ba, ngữ một trong năm giới cận sự.

Tánh giới của nghiệp đạo: Uống rượu là vì ngăn ngừa nên ở đây nói riêng.

Xiển-Địa-Ca: Là tên cận sự. Danh từ này không dịch, vẫn giữ nguyên tiếng Phạm

3. Trong lìa nhiễm có hai:

a- Nêu bốn thứ.

b- Tùy theo giải-thích riêng.

Ba mươi sáu xứ, cõi Dục, v.v... Như quyển thứ tư ở trước nói: Hắc thắng sinh, nghiệp họ ác, gọi là hắc; là vì cõi người; nên gọi là thắng. Hoặc vì cùng tốt trong hắc nên gọi là hắc thắng.

Chiên-Đề-la: Là đồ tế. Bốc-Yết-Bà, cũng nói là BỔ-Yết-Bà, là người quét dọn phân nhơ.

Chẳng phải hắc, chẳng phải bạch thắng sinh. Tức là Phệ-xá, v.v...,

bậc thầy khuôn khếp trong sinh bất định.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “A-già-lợi da, gọi là quĩ phạm sư.

Ô Ba-đà-da, gọi là thân giáo sư, tức là Hòa thượng, A-xà-lê.

Quảng bác Hiếp-sơn, xưa nói là Tỳ-phú-la sơn. Hình núi ấy trông như giống của phi thiên.

Trong sinh lưu chuyển có bốn:

a. Hỏi.

b. Đáp lược.

c. Gạn lại.

d. giải thích rộng.

Bài tụng đầu trong giải thích, nêu mười môn, sau, tùy theo giải thích riêng:

1- Thể. 2- Môn. 3- Nghĩa. 4- Sai khác. 5- Thứ lớp. 6- Nạn. 7- Giải thích về lời. 8- Duyên tánh. 9- Phân biệt duyên. 10- Nhiếp các kinh.

Thể, là nói chung về duyên khởi. Phần vị sinh của ba đời, dẫn phát thể hoàn-diệt của nhân duyên lưu chuyển. Không phải là nói riêng mười hai duyên sinh, mà mỗi duyên đều có tự thể riêng. (Môn sai khác ở dưới, sẽ giải thích rộng)

Văn chia làm ba:

1- Nêu ba tướng.

2- Tùy giải thích riêng.

3- Tổng kết.

- Ba tướng:

1. Từ mé trước, sinh mé giữa.

2. Từ mé giữa, sinh mé sau.

3. Từ mé giữa hoặc hướng đến lưu chuyển, hoặc hướng đến thanh tịnh rốt ráo. Hai mé trước, gọi là lưu chuyển; một mé sau, gọi là hoàn diệt.

Thành Duy-Thức chép: “Mười nhân, hai quả, nhất định không đồng với thế gian.”

Nay, luận dựa theo nghĩa này. Vì thế, đối với hai đời, để nói về duyên sinh, tức Duy-Thức kia lại nói: “bảy thức trước trong nhân với ái, thủ, hữu, hoặc khác, hoặc đồng. Nếu hai, ba, bảy thứ, mỗi thứ đều nhất định đồng với đời. Như thế, tức chứng tỏ duyên sinh của ba đời.”

Nay, ở đây chỉ ngăn ngừa duyên-khởi của Tiểu-thừa nhất định lập ba đời, dựa vào hai đời để nói. Rằng không phải nhất định chỉ có thế. Quá khứ bảy, hiện tại ba, vị lai hai là nghiệp-báo sau, vì chiêu cảm Dị-thục.

Từ đây trở xuống, trong phần giải thích riêng chia làm ba:

1. Giải thích tướng đầu tiên và tướng thứ ba.
2. Thế nào là từ mé giữa trở xuống, là giải thích tướng thứ hai.
3. “Lại có trước, là góp hợp tư lương” trở xuống, là phân biệt rộng về câu hướng đến thanh tịnh trong tướng thứ ba.

Trong phần trước lại có hai:

1. Nói rộng về lưu chuyển.
2. Thế nào là bất sinh” trở xuống, là chỉ bảy sơ lược về hoàn diệt.

Trong phần trước lại có ba:

- 1- Nói về thai sinh.
- 2- Nói về ba sinh còn lại.
- 3- Giải thích về chỗ sinh của ba nghiệp, trong phần đầu lại có

ba:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Kết.

Không hiểu rõ vô-minh ở mé trước. Nghĩa là không hiểu rõ hai thứ thế tục, thắng nghĩa của mé trước, vì khổ mà khởi lên hai cái ngu.

Nổi khổ của thế tục. Nghĩa là ba đường ác, vì tất cả thế tục đều biết là khổ.

Khổ của thắng nghĩa. Nghĩa là trí thù thắng của các người, trời vì biết là khổ.

Luận Đối Pháp quyển bảy chép: “Mê nổi khổ của thế tục, gọi là Dị-thục; ngu khởi hạnh phi phước. Mê khổ của thắng nghĩa, gọi là nghĩa chân thật, ngu khởi phước, bất động hạnh. phần nhiều vì mê mé trước, hiện hai Dị-thục, nên nói là ngu này không rõ mé trước. Về mặt lý, thật ra cái ngu này cũng mê mé sau, vì phần nhiều mê hiện nhân, nên lược qua không nói.

Do đây, tùy nghiệp thức, cho đến qua đời, lưu chuyển không dứt.”

Hỏi: “Vì sao không nói bốn thứ như danh sắc, v.v...?”

Bạt Pháp sư có ba thuyết:

1/ Nếu vượt hơn, thu nhiếp kém. Trong năm chi, thức là vượt hơn hết, cho nên lấy căn bản trước nhất, vì nếu không có chi thức thì các thứ khác sẽ không sinh.

2/ Ở đây nói về khổ của thức, không phải chỉ hạt giống, mà cũng có hiện thức. Thức chủ thể giữ vững hạt giống của bốn chi, nên nói về thức xong, cũng nói về bốn chi. Hạt giống của bốn chi không có tánh

riêng với đối tượng mà thức nương tựa (sở y thức).

3/ Luận nói tùy nghiệp thức tức là chi thức. Vì vượt bỏ hẳn bốn chi, nên nói: Là “Cho đến”. Danh ngôn, hạt giống của thức, v.v... này được huân tập trước. Dù đã được huân tập, nhưng chưa biết được chỗ sinh. Do nghiệp chiêu tập, sẽ sinh ra quả của hai cõi thiện, ác. Thức chuyển biến theo nhân, gọi là thức tùy nghiệp. Đã bị huân tập cho đến thân trước chết đi, không dứt bật, có khả năng làm nhân cho thức nối tiếp nhau trong hiện tại. Khi quả ở đời hiện tại sắp sinh, thì thức không thể tự khởi, phải nhờ vào yếu tố tham ái trong, ngoài của quá khứ hiện tiền, làm bạn giúp thấm nhuần, mới sinh.

Chi thọ trong thân ở trước có hai:

1. Thọ Dị-thục, tiếp nhận duyên thân trong sinh.

2. Thọ cảnh giới tiếp nhận “duyên” cảnh ngoài khởi. Nhân hai thọ này, sinh ra ái trong, ngoài, để làm công năng thấm nhuần.

Ở trước nêu thức tùy nghiệp gồm sáu hạt giống như thức, v.v.... Nay, nêu ái trong ngoài cũng nhiếp chi Thủ. Hoặc ái nội, gọi là ái; ái ngoại, nghĩa là thủ, nói lên đã thấm nhuần sáu chi hành, v.v... chuyển biến, gọi là hữu của mé trước. Ở quả đời hiện tại, thức tùy, chuyển danh sắc, v.v... còn lại theo thứ lớp được sinh ra quả nối tiếp nhau. Thức và danh sắc đều có cho đến già suy, v.v...”

Cơ Pháp sư nói: “Trước bảy ngày đầu, gọi là thức trước bốn mươi chín ngày, gọi là danh sắc.”

Nay, nói gốc, ngọn của các phần vị rộng, hẹp, vì nói là do nương tựa nhau gồm sáu xứ, v.v..., chỉ nói hai phần vị này cho đến già suy, không phải không còn có phần vị khác. Lại, trong chi sinh, già, chết ở hiện tại, nhân thức, danh sắc sinh ra quả làm sáng tỏ nhau, nên nói tên của chi già chết kia, chứ không phải chi thức ở đời hiện tại.

Trong quyển chín mươi ba chép: “Thức là sở y (đối tượng nương tựa) là nói nghiệp thức và quả Dị-thục.”

Nay, vì nói chủ thể nương tựa (năng y), nên nói là nghiệp của danh sắc với quả Dị-thục. Dị-thục chung, riêng, chủ thể nương tựa, (năng y) đối tượng nương tựa (sở y) khác nhau.

Do phải nương gá sáu chuyển y: Tức sáu căn thuộc trong danh sắc, cho nên, kinh nói: “Danh sắc “duyên” thức”. Đây là dựa vào Bố-tát quán nghịch về khổ, tập, đến thức, danh sắc, lại làm duyên lẫn nhau. Quán đế đã khắp, làm duyên” dẫn dắt lẫn nhau. Cho nên quán khổ, tập đến thức mới thôi dứt. (Như quyển chín mươi ba có giải thích rộng). Tùy đối tượng thích hợp với pháp quán đó làm đối tượng nương tựa cho

sáu thức, nghĩa là không phải chỉ nói chung thức trong năm thứ đã sinh ra hiện thức. Thức đó chỉ cho thứ tám. Cho nên quyển chín mươi ba và thuyết dưới đây đều dựa vào tất cả nối tiếp nhau được gọi là sáu thức thân.

Với nghĩa rõ ràng, nói chung là vì thân thức một thời kỳ, nên danh sắc “duyên” thức. Do thức chấp trì, nên thức là sở y (đối tượng nương tựa). Thức “duyên” danh sắc, nhờ danh sắc kia làm chủ thể nương tựa, hoặc quán là cảnh.

Nếu đối với Đẳng trong nhóm hữu sắc hữu tình. Luận Thành Duy-Thức chép: “Hóa sinh có sắc, đầu tiên thọ phần vị sinh, dù đủ năm căn mà chưa có tác dụng. Bấy giờ, chưa gọi là chi sáu xứ. Cho nên đầu tiên sinh không lên vô sắc, dù nhất định có ý căn mà chưa sáng rõ, chưa gọi là ý xứ.

Trong đây, ý nói rõ các hóa sinh kia, sát na sinh đầu tiên gọi là chi Thức. Từ đây về sau, tùy thích ứng với năm căn, ý xứ chưa sáng rõ về sau, gọi là chi Danh sắc.

Kế là, sáu căn sáng rõ, gọi là sáu xứ. Về sau, chi xúc, thọ dần dần sinh trưởng. Cho nên, dù các căn quyết định viên mãn, vẫn khác với ở trước. Năm chi như thức, v.v... cũng có trước, sau.

Trong đây, vì thức trên duyên hạt giống của sắc, nên nói là nương tựa sắc mà khởi. Lại, do nghiệp phước sinh ở cõi người, trời, v.v... Ba thứ này đều y cứ vào dẫn nghiệp được quả, tức thuận với nghiệp sinh thọ, thuận với nghiệp hậu thọ chỉ chiêu cảm dẫn nghiệp, chung cho nghiệp dẫn, mãn, mới gọi là chi hành. Phát ra Vô-minh này, gọi là chi vô-minh. Nhuận thấm ái thủ ấy, gọi là chi ái, thủ. Nghiệp này được tập hợp, gọi là năm thứ như thức, v.v... Sáu thứ này được chuyển biến, mới gọi là chi hữu, hữu ấy sinh chiêu cảm, gọi là sinh, già chết, cho nên nói lên tất cả đều thuận với nghiệp hiện thọ; giúp đỡ riêng nghiệp tương lai, đều không phải là chi hành. Nếu không như vậy, thì nghiệp phước lẽ ra sinh trong năm đường.

Quyển này trước nói về nghiệp phước. Nghĩa là cảm Dị-thục của đường lành cõi Dục và thuận với Dị-thục, v.v... của năm đường. (Nghĩa này như Thành Duy-Thức có nói rộng). Do đây, năng (chủ thể), sở (đối tượng) của nghiệp kia, phát ra năng sở nhóm hợp; năng sở thấm nhuận; năng sinh, sở sinh, đều không thuộc về mười hai duyên khởi.

Giải thích trong tướng thứ hai. Nghiệp quả trước của hai thứ thọ:

1. Quả Dị-thục bên trong.
2. Quả tăng-thượng bên ngoài,

Hoặc có người nghe phi chánh pháp, là đời hiện tại; hoặc người do tập quán trước, là quá khứ hai người này đều là do phân biệt khởi ngu. Do mê nội, hiện tự thể và vì ngu hữu sau, nên phát nghiệp. Do mê ngoại, vì ngu nên nhuận sinh, đã chứng tỏ vì mê quả nội hiện, nên đối với khổ sau không biết đúng như thật.

Do nghiệp đã tạo mới này, nên nói thức ấy tên là tùy nghiệp thức. Nghĩa là hạt giống thức đui theo nghiệp, nên được tên. Vì hành, nên thức sinh, do chiêu tập mà sinh, chứ chẳng phải do phân biệt về thể sinh, vì là duyên tăng-thượng. Hoặc chi thức đầu chỉ có thức thứ tám, đều dựa vào một kỳ hạn. Tất cả thức, mà nói chung là cả sáu thức thân, tức tụ hội danh sắc của mé trước, có thể làm đối tượng nương tựa cho sáu thức cũng giống như thế. Bản-thức là dẫn quả, theo hạt giống của danh sắc. Danh sắc là chung sáu xứ chủng tùy. sáu xứ được dựa vào tùy hạt giống xúc. Xúc là chủ thể sinh tùy hạt giống của thọ. Duy-Thức, Đối-Pháp nói rằng: “Năm thứ như thức, v.v... này được gọi là đối tượng dẫn (sở dẫn), vì vô-minh, hành là chủ thể dẫn (năng dẫn). Chính sở dẫn và năng dẫn này đều là nhân dẫn, dẫn sinh ra già chết, tử, thế ở rất, xa. Dù đều gọi là nhân dẫn, nhưng năm thứ như thức, v.v... với sinh, già, chết là nhân duyên sinh. Quyển chín mươi ba và trong đây nói tên riêng là dẫn nhân.

Luận rằng vì thức năng dẫn này cho đến thọ là thân trong một thời kỳ. Không phải vô minh, hành, không phải thuộc về dẫn nhân. Hai dẫn năng, sở, các giáo đều nói khác nhau.

Thành Duy-Thức nói: “Du-già nói: “Duy-Thức là chủ thể dẫn vì nghiệp chủng trong thức, gọi là chi thức, nên hạt giống của thức Di-thục thuộc về danh sắc.”

Kinh duyên khởi nói: “Chi thức chung cho cả năng dẫn, sở dẫn, vì hạt giống nghiệp, hạt giống thức đều gọi là Thức. Thức là dựa vào danh sắc, chứ không phải thuộc về danh sắc. Về nghĩa thì rõ ràng ái, thủ, hữu, được gọi là chủ thể sinh (năng sinh); chi sinh, già, chết là đối tượng sinh (sở sinh).”

Luận Thành Duy-Thức chép: “Năm thứ như thức, v.v... Do nghiệp huân phát, dù là đồng thời, mà dựa vào chủ, bạn, chung, riêng, nên, nhân quả hơn, kém khác nhau. Đó là lý do các Thánh-giáo đã nói có trước, sau. Lại nữa, dựa vào phần-vị khởi ở tương lai, hiện tại, vì có thứ lớp, nên nói có trước, sau. Do đây, cũng hội ý các văn trước và sau để nói: “Do thức này, v.v... cũng nói là hiện hành, còn nhân, thời gian, nhất định không có nghĩa hiện hành.

Do ái này, nên đôi khi có người phát tâm mong cầu, cầu sinh cõi Dục. Hoặc có người phát tâm mong cầu, cầu sinh cõi Sắc, Vô-Sắc. Hai mong cầu này là thể chung, tức là ái.

Bốn thủ là sau, vì đầu tiên khởi hai mong cầu, nên về sau, sinh riêng ra hai thủ, tức “hữu” sau thuộc về nhân sinh.

Quả Dị-thục sau, nói về thể, nhân duyên, nghiệp, duyên-tăng-thượng đều là chi hữu, gọi là riêng là sinh, chẳng phải chi ái, thủ, chẳng thuộc về sinh nhân.

Đối-Pháp, Duy-Thức nói: “ái, thủ, hữu vì tiếp cận sinh quả, nên hợp gọi là chủ thể sinh (năng sinh), không trái nhau”. Nhưng luận Đối-Pháp nói: “Rằng khi ở nhân, có chủ thể dẫn, đối tượng dẫn, rằng lúc ở quả có chủ thể sinh (năng sinh), đối tượng sinh (sở sinh), nghĩa là chưa thành thực, gọi là nhân, chứ chẳng phải không có nghĩa của nhân. Đã thành thực, gọi là quả, chứ chẳng phải không có nhân của quả, y theo nghĩa đều khác nhau, cũng không trái nhau.

Các hành này sinh, hoặc dần dần, hoặc sinh ngay: ba chi thai, noãn, thấp, đều sinh dần, còn hóa thì khởi ngay, (đã nói như trước). Hoặc đối với chỗ sinh theo thứ lớp hiện tiền, hoặc hạt giống theo đuổi, v.v... Hoặc ở chỗ sanh, thứ lớp hiện tiền, hoặc hạt giống đeo đuổi, v.v... Cõi có cõi Sắc sinh theo thứ lớp hiện tiền; cõi Vô Sắc sinh hạt giống theo đuổi cõi sắc.

Giải thích tướng thứ ba, hưởng về thanh tịnh, các hành, v.v... của hai quả trong hưởng:

Luận sư Cảnh nói: “Quả Dị-thục nội đã nói ở trước, quả tăng-thượng ngoại.

Đối với hai quả kia, lúc tìm kiếm bốn Đế lý Khổ, Tập, Diệt, Đạo, thì chánh kiến được sinh.

Cơ-Pháp sư nói: “Hai quả, nghĩa là hai quả khổ đế: Già với chết. Nhân kia là Tập đế; Diệt kia là Diệt đế; hưởng về diệt hành kia là Đạo đế.

Quyển chín mươi ba chép: “Xưa, lúc Đức Thế tôn còn làm Bồ-tát, xót thương hữu tình, quán các duyên khởi. Vì trải qua quán Đế, nên trước hết quán già, chết trong hiện tại làm đầu. Lấy như lý quán sát ba tướng :

1. Quán nhân tế.
2. Quán nhân thô.
3. Quán chẳng phải bất định.”

Cảm sinh nhân duyên cũng gọi là sinh. Nghĩa là ái, thủ, hữu, tức nhân duyên tế. Thể của nhân sinh kia cũng gọi là lá sinh. Nghĩa là chi

sinh này tức nhân duyên thô.

Quán do có tế sinh mà có già, chết; cũng quán do có thô sinh mà được có già chết. Già, chết tế ở đương lai làm nhân cho sinh, vì chưa khởi quả. Hiện pháp già, chết thô sinh, vì làm nhân hiện khởi quả, đây gọi là quán sát hai nhân duyên đầu.

Chẳng phải bất định. Nghĩa là tức trừ hai thứ thể sinh thuộc về chỗ sinh kia, pháp khác nhất định không có công năng cho quả già, chết.

Quán sát tập của Khổ đế như vậy, chưa được hỷ tức, tức lại quán sát Khổ đế hiện tại của nhân duyên tập sau. Nghĩa là quán nghịch khắp thọ, xúc, sáu xứ, danh sắc và thức.

Đã biết khổ đương lai, tập hiện tại làm nhân. tập hiện cũng do tập trước mà khởi, là hữu khổ của biện pháp bờ mé.

Quán chung như thế, Tập nhân khổ khởi, khổ của tập nhân sinh, không còn hiện quán nữa, khổ sẽ do đâu khởi? Vì chẳng khác với trước, cho nên, Bồ-tát ngang thức thối lui, không quán sát thuận cho đến già, chết.

Khổ đế, Tập đế này, quán sát xong, khắp vì quán sát Diệu Đế. Bắt đầu từ già, chết nghịch thứ lớp nhập, cho đến vô minh. Quán khổ Đế hiện tại, tất cả đều diệt tận. Nghĩa là không tạo tác vô minh, vì được duyên hành nghiệp mới.

Như thế, trải quán ba Thánh đế xong, kế là lại tìm kiếm thánh đế diệt này, đạo gì, hành gì mà có thể chứng đắc? Khởi tức niệm trụ, nhớ nghĩ lại xưa kia đã tu chánh kiến thế gian, để được hiện ở trước mặt, trải quán các đế, rồi do chánh kiến, được nhập hiện quán trong các đế, và lần lược chứng đắc vô thượng Bồ-đề, tức là quán hạnh, quán lý duyên khởi của bốn đế trong đây, được trí kiến thanh tịnh của bậc Học, Vô học.

Trong quyển mười dưới đây, cũng có lớp hỏi đáp này nhằm giải thích về lý do dài, ngắn không đồng nhau của phẩm hắc bạch.”

Lại, có giải thích: “Về các hành của hai quả. Nghĩa là các hành của hai chi sinh, già chết. Nhân thô và hai quả hợp nói, nên quán chung về khổ đế đã có trong hiện tại.”

Dù có các giải thích này, nhưng ở đây cho rằng, hai quả ấy lẽ ra là quả Dị thực bên trong và quả tăng thượng bên ngoài. Vì thế, nhận lấy cách giải thích của Pháp sư Cảnh là đúng.

Đối với đối tượng duyên (sở duyên) hành kia, không như thật biết vô minh, xúc đã sinh ra thọ, cũng lại dứt hẳn, v.v..., nghĩa là xúc hữu lậu sinh các thọ. Lúc thọ hai quả, đối với cảnh sở duyên không như thật

biết. Do thọ này làm duyên phát khởi phiền não, phát nghiệp nhuần sinh. Do đoạn thọ này vì không có đối tượng nương tựa (sở y), nên vô minh cũng diệt, sở duyên (đối tượng duyên) không tăng. Chứng tuệ vô-lậu gọi là tuệ giải thoát. Do vì thọ đoạn, nên không sinh tham ái. Tâm tương ứng này là lìa tương ứng ràng buộc, chứng tâm giải thoát. Dù cho vô minh của mẹ giữa kia không diệt, thì các hành như thức, v.v... của mẹ sau, lẽ ra sinh. Điều này trái với sự giải thích, vì vô minh đã diệt, nên không còn khởi nữa, được pháp không có sinh, việc này thuận với giải thích.

Từ đây trở xuống là dẫn thuyết để chứng thành: “Theo thứ lớp cho đến Dị thực sinh, vì xúc diệt, nên thọ của Dị thực sinh diệt.

Từ đây trở lên, là văn nói: vì vô minh diệt, nên quả đương lai diệt. Vì vô minh trong hiện pháp diệt, nên xúc vô minh diệt, v.v...

Dưới đây nói do vô minh diệt, nên hiện tại thuận với vô minh, xúc thọ, v.v... Diệt. Sáu xứ, v.v... đã có, chẳng phải hiện vô minh mà có, không nói vì vô minh diệt, nên hiện sáu xứ, v.v... Diệt. Xúc, thọ, v.v... kia tùy theo vô minh sinh, nói là xúc tùy vô minh kia diệt. Do đối tượng nương tựa (sở y) này diệt, nên chủ thể nương tựa (năng y) thọ, v.v... Dều cũng diệt theo.

Thường thọ lìa trói buộc thọ, chẳng phải có thọ trói buộc. Nghĩa là các thọ hữu lậu lìa phiền não, thân trói buộc là thọ vô lậu, gọi là lìa thọ trói buộc, không phải nhất định tất cả đều là thọ vô lậu.

Phạm hạnh đã lập. Nghĩa là Đạo đế của trí diệt, đế đã mãn. Niết-bàn rốt ráo ở diệt đế đã mãn, đủ chứng tỏ rằng, người cầu Niết-bàn đầy đủ Diệt đế mà Phật đã được.

Trong môn thứ hai, môn nội thức sinh. Nghĩa là sắc làm duyên cho mắt, nhãn thức được sinh v.v..., Mạ bên ngoài thành thực. Nghĩa là vô minh làm “duyên” hay sinh ra hành, v.v... Khí thể gian thành, hoại. Nghĩa là sức cộng nghiệp tăng thượng của tất cả hữu tình làm duyên, đại địa, v.v... sinh. Thức ăn gìn giữ. Nghĩa là bốn cách ăn làm “duyên”. Vì hữu tình ba cõi nối tiếp nhau sống. Tư nghiệp đã tác động, thế lực tăng thượng, tùy nghiệp mà được quả ái, phi ái, nghĩa là diêu vi thiện hành, hành vi ác làm “duyên” sinh ra cõi thiện, ác.

Oai thế. Nghĩa là nội chứng làm “duyên” phát ra công đức tối thắng như thần thông, v.v...

Thanh tịnh nghĩa là thuận phần giải thoát, khéo làm duyên theo thứ lớp cho đến đắc quả A-la-hán, v.v... Nhưng thứ lớp của tám môn này có một ít bất đồng quyển hạ kinh Duyên Khởi và luận Đối-Pháp.

Nhân duyên khởi này là giải thích nói về “duyên”. Nay nêu rõ các môn này thuộc trong mười hai chi. (Quyển mười ở sau, lại sẽ nói rõ)

Trong nghĩa thứ ba, xét Đối-pháp và kinh Duyên Khởi, đều có mười một nghĩa để giải thích vấn đề này:

1. Nghĩa lia hữu tình. Luận Đối-Pháp chép: “Vì không có ngã tự nhiên.”, là văn luận trở lên, ở đây phá “ngã” là tác giả của Thắng luận, Độc tử bộ, v.v..., vì lia hữu tình lia.

2. Nghĩa vô thường. Nghĩa là vì chẳng phải hằng. Đây là phá tự tánh thường trú của Số Luận là gốc của muôn vật, vì làm duyên hình thành vật, nên chứng tỏ vô thường. Cũng phá quan điểm che lấp mười hai duyên sinh là pháp vô vi của Đại chúng-bộ, Hóa-địa-bộ, v.v...

3. Nghĩa tạm dừng: Nghĩa là thời gian sinh đã đi qua không có tạm dừng. Luận Đối-Pháp gọi là có nghĩa sát na.”

Ở đây phá mạng căn, v.v... của Chánh Lượng bộ: Các pháp duyên sinh, vì bốn tướng của một thời kỳ chẳng phải sát-na.

4. Nghĩa y tha khởi. Nghĩa là vì nhờ vào các duyên, nghĩa này phá pháp tự nhiên của ngoại đạo: Tự nhiên có không nhờ duyên sinh, cho nên phải dựa vào pháp khác để khởi.

5. Nghĩa lia tác dụng: Vì tác dụng của các duyên là không, nghĩa này phá tác dụng có thật, làm: duyên sinh ra thể của Tát-bà-đa.

Nay làm rõ công năng không có tác dụng.

6. Nghĩa nhân quả nối tiếp nhau không dứt: Nghĩa là sát-na nhân diệt, quả sát-na sinh, vì phần-vị thời gian, v.v... nên nhân quả nối tiếp nhau. Nghĩa này phá nhân quả không nối tiếp của ngoại đạo đoạn kiến, cũng ngăn không có đời quá khứ, vị lai của sư kinh-bộ: Nhân quả của Dị-thục cũng không đồng thời; vì quả nhân gián đoạn.

7. Nghĩa nhân quả chuyển biến giống nhau: không từ tất cả, vì tất cả sinh, nên nhân quả giống nhau. Nghĩa này phá hai người vì chánh pháp, chấp giết dê, v.v... làm nhân, về sau được sinh lên cõi trời, tức các quả thiện lấy bất thiện làm nhân, vì nhân quả không nối tiếp nhau.

Nay, chỉ bày nhân thiện, sẽ được Dị-thục thiện; nhân ác, sẽ gặp phải quả ác, vì nhân quả giống nhau.

8. Nghĩa nghiệp mình tác động: Nghĩa là đối với sự nối tiếp nhau khác, vì không thọ quả nghiệp của mình, mình cam chịu. Nghĩa này phá không có nhân, quả, chẳng phải nghiệp này khởi các luận chấp không.

9. Cũng phá nghĩa người khác làm, ta thọ quả, nghĩa là các nhân luận chấp bất bình đẳng. (Đối-Pháp kinh Duyên Khởi đều có giải thích rộng), vì e rườm rà nên không nói.

10. Vì chỉ bày rõ về nghĩa thanh tịnh, nhiệm ô thuộc về nhân duyên. Nghĩa là quyển mười ở dưới nói: “Bốn trong mười hai chi chỉ tạp nhiễm, chi khác có cả thanh tịnh. Bốn chi tạp nhiễm kia phát thối nhuần quả thiện, quyển thuộc thanh tịnh cũng gọi là thanh tịnh, ý nói là phẩm ái đạo duyên sinh, gọi là thanh tịnh, phẩm phi ái đạo duyên sinh gọi là nhiễm ô, nhiễm ô, chứng tỏ rằng, nhân duyên này vì “duyên”nhiễm, tịnh sinh, để lập duyên khởi. Đây là ý nói về duyên khởi.

11. Nhân giải thích nghĩa, nhằm phá trong tông người khác, với ý nói rõ về lý của mình.

Có giải thích: Trên, đã nói trong ba tướng của thể. Hai tướng lưu chuyển trước chỉ bày rõ về tạp nhiễm; nên một tướng sau, là hoàn diệt, biểu thị rõ về thanh tịnh.

Trong sai khác thứ tư, nói rộng mười hai chi, văn tức mười hai. Nhân giải thích pháp ấy của ngoại đạo, đại khái, giải thích trong một thời kỳ. Tất cả kia không phải pháp mà trong đây nói. Tất cả thể tánh đều là chi duyên khởi.

Giải thích trong vô minh có bốn. Nghĩa là mười chín thứ, bảy thứ, năm thứ và sáu thứ.

Trong mười chín thứ, gộp lại là bảy loại:

1/ đời; 2/ sự; 3/ nghiệp báo; 4/ Tam-bảo; 5/ Tứ-đế; 6/ nhân quả; 7/ đối tượng chứng.

- Ở trong nhân, hoặc chấp tự tại, thế tánh, sĩ phu; trung gian, v.v...

Tánh mờ tối của trời tự tại, thần ngã của Sĩ phu. Vì Phạm vương ở thiên trung gian, nên gọi là trung gian. Như thứ lớp phối hợp giải thích.

- Không có tội, có tội, nên tu, không nên tu. Giải thích tản mát về nhân.

Đen, trắng, lẫn lộn, là thể của thiện, ác. Giải thích về thể của quả. Vì quả có hai phần đen (hắc), trắng (bạch), nên gọi là “Có phần”.

Trong mười chín môn này, “hữu”chung cho cả “Câu sinh”hoặc “phân biệt”khởi. Thế sự quả nghiệp, v.v... chung cho cả hai môn. Bảy vô tri gồm trong mười chín. Di chuyển thuộc vô tri của nghiệp Dị-thục. Nghĩa là nghiệp, chủ thể chiêu cảm quả, mê mà không biết, vì chấp nhân bất bình đẳng, nên gọi là di chuyển.

Kế là môn thứ sáu thuộc sáu vô tri. Nghĩa là nhân. Quả ở trước, ngu, gốc, ngọn, hợp thành sáu.

Ngọn là bốn: Sáu vô tri là:

1. Thiện, bất thiện.

2. Nên tu tập, chẳng nên tu tập.
3. Có tội, không có tội.
4. Có phần.

5. Gồm sáu tám thuộc kiến ngu trong mười chín. Nghĩa là thể sự đều có ba và nhân quả. Tìm kiếm, so lường, gọi là thể của kiến, chẳng phải vô minh. Vì si và tuệ đều có, nên gọi là kiến ngu.

6. Vô tri có hai:

a- Chỉ rõ sáu vô tri và bảy tướng gồm sáu pháp

b- Dựa vào chủ thể tri (năng tri) và tự tánh để nói về sáu pháp khác nhau:

Dựa vào đối tượng tri (sở tri) khác nhau văn, tư, tu, để nói về ba pháp trước, nghĩa là do văn nên biết pháp, sở tri đó gọi là vô tri. Do tư, nên tìm kiếm, gọi là sở tri của tư đó là vô kiến. Vì dựa vào tu, nên minh chứng sở tri của tu đó gọi là không có hiện quán. Cho nên, nói rằng: “Đối tượng tri khác nhau. Vì thế, nên nói ba thứ này.

Vì ba tự tánh khác nhau của quyển trung, thượng. Nghĩa là ngu si đen tối, vô minh tối tăm. Trong đây, nói chung tất cả vô tri đều là thể của chi: Thành Duy-Thức chép: “Chỉ lấy khả năng (chủ thể) phát chánh, chiêu cảm nghiệp thiện, ác của đời sau.”

Kinh Thắng-man chép: “Có năm trụ địa:

1. Kiến nhất xứ trụ địa.
2. Dục ái trụ địa.
3. Sắc ái trụ địa.
4. Hữu ái trụ địa.

5. Vô minh trụ địa: Trước, bốn phiền não chướng; sau, là một sở tri chướng.”

Kinh ấy tự nói: “Vô minh trụ địa là đối tượng mà hàng Thanh Văn, Bích-chi-Phật không thể dứt trừ, vì chỉ có trí Bồ-đề của Phật Như-lai mới dứt được. Do đó, quyết định biết là chướng sở tri.”

Thuyết của Duy-Thức quyển chín với kinh ấy đồng nhau.

Trong bốn chướng phiền não, đầu tiên là một kiến-đạo dứt trừ (đoạn); sau, ba tu đạo đoạn. Luận Đối-Pháp chép: “Phát nghiệp vô minh có hai:

1. Nghĩa chân thật, ngu phát hạnh bất động của phước.

2. Nghĩa Dị-thục, ngu phát phước hạnh của phi phước, cả hai đều do kiến-đạo mà dứt”.

Kinh Duyên Khởi nói: “Các bậc thánh Hữu Học vì đã dứt hẳn bất cộng vô minh, nên không tạo nghiệp mới.”

Duy-Thức cũng nói: “Người chính thức phát nghiệp, chỉ do kiến đạo mà dứt trừ. Người giúp đỡ không nhất định, vì cho nên chỉ lấy vô minh mà kiến nhất xứ trụ kia đã có, nhưng nghiệp vô minh này có ba:

1. Chỉ phát nghiệp chung.
2. Chỉ phát nghiệp riêng.
3. Phát chung cả hai nghiệp.

Ở đây, lấy hai nghiệp vô minh đầu và sau.

Nói chỉ lấy chủ thể phát chánh, cảm nghiệp thiện, ác của đời sau, nhưng phát nghiệp này có bốn:

1. Tương ứng; 2. Bất cộng; 3. Triền; 4. Tùy miên, đều có công năng phát nghiệp.

Sự khác nhau giữa ngoại đạo, nội đạo là nấy sinh buông lung, không buông lung, tùy đối tượng mà họ hợp thích.

Bốn vô minh phát nghiệp đều riêng. (như kinh Duyên Khởi có phân biệt rộng).

Ở đây nói hành chung cả thân, ngữ, ý, chỉ có hạt giống, hiện hành thiện, bất thiện mượn sắc và tứ để làm tự tánh. Hành này cũng có ba, vì cảm ba quả, vì chi hành, cũng chỉ cảm nghiệp chung và đều có.

Thành Duy-Thức nói: “Chính đối tượng phát kia mới được gọi là chi hành. Do đó, tất cả nghiệp thuận hiện thọ, giúp riêng cho nghiệp tương lai, đều không phải chi hành, chính là hành mà vô minh đã phát trước kia, mới thành hành.

Sắc của nghiệp thân, ngữ gọi là giả sắc, vì phải dựa vào hiện hành, hạt giống của tứ để lập. Ý nghiệp chỉ do tư thành thể của chi hành. Y theo thiện, ác mà năm thức này đã có, tức chẳng phải chi hành, nên biết rõ không thể chiêu cảm đến báo chung.

Trong đây nói đủ rằng, trong cõi Vô Sắc cũng có hai nghiệp của thân, ngữ biến hóa, mà văn luận này chỉ y cứ cõi Dục, Sắc nói nghiệp thân ngữ; y cứ ba cõi để nói ý nghiệp, nghĩa là y cứ vào sự thật là ngữ.

Nói về sáu thức trong chi thức. Trước nói về tự lãnh hội, đều dựa vào sáu thức thân trong một thời kỳ, nói chẳng phải chính là chi Thức.

Thành Duy-Thức chép: “Hạt giống thức trong đây vì là nhân của bản thức, nên chỉ lấy hành đã gom góp chủng tử của thức thứ tám ở tương lai, gọi là chi Thức.

Vì kiết sinh lần đầu tiên, vì Dị-thục chung, nên không nói thức khác là thể của chi thức. Ở đây chỉ hạt giống không lấy hiện hành.

Trong đây nói là quả do hạt giống đã sinh, thức là thể của chi. Và kinh Thập Địa chép: “Như vô minh lúc có hạt, có quả thì thức đều như

vậy.”

Duy-Thức hội chép rằng: “Hoặc dựa vào đương lai, nói có hiện hành. Nhân thời gian nhất định, không có nghĩa hiện hành. Cho nên, nói thức, danh sắc mới vào thai mẹ, làm duyên, v.v... lẫn nhau. Nhưng nếu dựa vào sẽ khởi, thì không phải là hạt giống thích đáng.”

Luận sư Thái nói: “Theo luận Hiển-Dương quyển sáu thì “thức A-lai-da gồm sáu thức, chứa đựng hạt giống của sáu thức đó. Vì thuộc về ghi nhận kín đáo, do đây mới nói: “Ở đây nói về sáu thức, gọi là chi thức. Về mặt lý, thật sự cũng thuộc về thức A-lai-da.

Vì thuộc sáu thức nên trong danh, sắc trước giải thích danh, sau giải thích sắc:

Ở cõi Dục đủ mười và giả sắc thuộc về pháp xứ (lĩnh vực sắc). Thật sắc của pháp xứ: nghĩa là quả của định vượt hơn. Vì ở cõi Dục không có định, nên nói là “không”. Vì phần nhiều là giả có, cho nên phân biệt.

Giả, thật trong cõi trên, có cả hữu. Nhưng không phải tất cả, nghĩa là vì đều là luật nghi và biệt giải thoát.

Vì gương soi hình tượng, nước, mặt trăng, những thứ đó cũng là “không”.

Trong giả của cõi dưới, dù không sắc của định, Đạo cộng giới, nhưng các loại nghiệp luật nghi, bất luật nghi đều có, cho nên không phân biệt. Cõi trên chỉ có luật nghi, chứng tỏ vì không có bất luật nghi, nên nói “Chẳng phải tất cả”.

Trong đây nói chung hạt giống, hiện hành, tương lai, hiện tại, bốn danh sắc, v.v... đều không phải là thể của chi thật.

Thành Duy-Thức chép: “Trừ ba nhân sau, nhân khác đều thuộc về hạt giống của danh sắc. Ba danh sau như gọi là theo thứ lớp, tức ba hạt giống sau.

Ở đây, nói Dị-thục, thể tánh không lẫn lộn của năm chi. Hạt giống của sáu căn, gọi là sáu xứ. Hạt giống của xúc, thọ của Dị-thục gọi là chi xúc thọ. Trừ hạt giống của bản thức và ba hạt giống sau này, hạt giống của Dị-thục các uẩn khác đều được gọi là chi sắc. Kinh nói: “Danh nghĩa là bốn uẩn phi Sắc, sắc nghĩa là yết-la-lam, v.v..., sắc này dựa vào thể lẫn lộn, không phải nói là thể riêng. Không như thế, thì làm sao được thành năm uẩn? Hoặc đều dựa chẳng phải Dị-thục, danh sắc năm uẩn mà nói.

Thức mới sinh, lại làm duyên lẫn nhau. Đệ thất thức, v.v..., vì mỗi thức đều ở giữa. Nếu thể lẫn lộn. Luận Duy-Thức nói: “Hoặc hạt

giống của danh sắc đều gồm thân năm nhân, trong đó tùy nhân nào vượt hơn, lập ra bốn hạt giống khác. Sáu xứ và thức, chung, riêng cũng thế. Những thứ này chỉ có hạt giống.

Nói hiện hành. Chiếu theo sự hội ngộ của chi thức, Đối-Pháp quyển thứ nhất chép: “Nhãn xứ, nghĩa là mắt đã từng hiện thấy sắc, không nói là sẽ thấy. Nay, ở đây y cứ ở thật xứ chung cho cả ba đời. Đối-Pháp dựa vào nghĩa xứ tăng, chỉ nói quá, hiện sinh, vì ba hành ở vị lai vượt hơn, nên cũng không trái nhau. Thọ, chỉ có xả thọ, gồm khổ vui. Nghĩa là một nghiệp chiêu cảm chung quả chung, riêng, cũng dựa vào một kỳ hạn mà có thọ để nói. Nếu không như thế, chỉ nên nói là chi xả thọ, vì chủ của báo chung, nên thuộc về thọ, nghĩa là hạt giống của thọ.

Lại giải thích: “Hạt giống của thọ này theo nhau, gồm nêu thuộc về thọ. Thọ nương tựa vào thân, không phải thể của chánh thọ.

